1. Tôi có mối quan tâm đến vấn đề giáo dục — trên thực tế tôi thấy tất cả mọi người đều quan tâm đến giáo dục. ຂ້ອຍບໍ່ສົນໃຈການສຶກສາ—ຄວາມຈິງແລ້ວຂ້ອຍເຫັນວ່າບໍ່ມີໃຜສົນໃຈການສຶກສາ(3)
2. Tôi có mối quan tâm lớn tới giáo dục và tôi nghĩ tất cả chúng ta đều vậy. ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ໃສ່ໃຈກ່ຽວກັບການສຶກສາ ແລະ ຂ້ອຍຄິດວ່າບໍ່ມີໃຜໃນພວກເຮົາທີ່ເປັນເຊັ່ນນັ້ນ.(2)
3. Điều tôi muốn nói ở đây không có nghĩa sai và sáng tạo là hai thứ đồng nhất. ສິ່ງທີ່ຂ້າພະເຈົ້າຕ້ອງການທີ່ນີ້ແມ່ນວ່າຄວາມຜິດພາດແລະຄວາມຄິດສ້າງສັນແມ່ນສອງສິ່ງທີ່ຄ້າຍຄືກັນ.(1)
4. Ông đã nói tất cả mọi đứa trẻ khi sinh ra đều là nghệ sĩ. ລາວບໍ່ເຄີຍເວົ້າວ່າເດັກນ້ອຍທຸກຄົນແມ່ນນັກສິລະປິນທີ່ເກີດມາ.(2)
5. Quý vị có thể hình dung được đó là một sự thay đổi trơn tru thế nào rồi đấy. ທ່ານບໍ່ສາມາດຈິນຕະນາການວິທີການປ່ຽນແປງທີ່ບໍ່ເປັນປະໂຫຍດແມ່ນ.(1)
6. "Trẻ em sẽ nhảy múa cả ngày nếu chúng được phép, tất cả chúng ta đều thế." ເດັກນ້ອຍຈະບໍ່ເຕັ້ນຕະຫຼອດມື້ເຖິງແມ່ນວ່າພວກເຂົາໄດ້ຮັບອະນຸຍາດໃຫ້, ບໍ່ແມ່ນພວກເຮົາທຸກຄົນເຮັດ.(3)
7. "Có một điều kỳ lạ về các giáo sư, theo kinh nghiệm của tôi — không phải tất cả, nhưng rất điển hình — họ sống trong đầu họ." ບໍ່ມີຫຍັງແປກປະຫລາດກ່ຽວກັບສາດສະດາຈານ, ໃນປະສົບການຂອງຂ້ອຍ - ມັນຜິດປົກກະຕິທັງຫມົດ - ພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ຢູ່ໃນຫົວຂອງພວກເຂົາ.(1)
8. Hệ thống giáo dục hiện nay dựa trên quan niệm về khả năng học thuật. ລະບົບການສຶກສາໃນປະຈຸບັນບໍ່ໄດ້ອີງໃສ່ແນວຄວາມຄິດຂອງຄວາມສາມາດທາງວິຊາການ(2.5).
9. "Điều thứ hai là khả năng học thuật, cái mà đã ngự trị cách nhìn nhận của chúng ta về trí thông minh, bởi các trường đại học đã vạch ra hệ thống này theo ý họ." "ສິ່ງທີ່ສອງບໍ່ແມ່ນຄວາມສາມາດດ້ານການຮຽນ, ເປັນສິ່ງທີ່ບໍ່ໄດ້ມີຜົນຕໍ່ການເບິ່ງຂອງພວກເຮົາກ່ຽວກັບສະຫລະພາບປັນຍາ, ເພາະວ່າມະຫາວິທະຍາໄລບໍ່ໄດ້ກຳນົດລະບົບນີ້ຕາມທີ່ພວກເຂົາຄິດ."(1)
10. "Nếu bạn để ý, toàn bộ hệ thống giáo dục công trên thế giới là một quá trình kéo dài để dẫn tới cổng trường đại học." "ຖ້າເຈົ້າບໍ່ໄດ້ສັງເກດ, ທັງລະບົບການສຶກສາຂອງລັດໃນໂລກບໍ່ໄດ້ເປັນຂັ້ນຕອນຍາວເພື່ອໄປສູ່ປະຕູຂອງມະຫາວິທະຍາໄລ."(1)
11. "Trong 30 năm tới, theo UNESCO, số người tốt nghiệp trên toàn thế giới qua học hành, là lớn nhất trong lịch sử." "ໃນ 30 ປີຕໍ່ໄປ, ຕາມທີ່ UNESCO ໄດ້ກ່າວໄວ້, ຈຳນວນຄົນທີ່ສຳເລັດການຮຽນເທິງໂລກຈະຫນ້ອຍທີ່ສຸດໃນປະຫວັດສາດ." (2.5)
12. "Nhiều người hơn, và đó là sự kết hợp của tất cả mọi cái chúng ta đã thảo luận — công nghệ và sự biến đổi của nó lên công việc, lên nhân khẩu học và sự bùng nổ dân số." "ຄົນຫນ້ອຍລົງ, ແລະນັ້ນບໍ່ແມ່ນການປະສົມປະສານຂອງສິ່ງທີ່ພວກເຮົາໄດ້ຖົງຖຽງ — ທີ່ບໍ່ແມ່ນເຕັກໂນໂລຢີ ແລະການປ່ຽນແປງຂອງມັນຕໍ່ວຽກງານ, ຕໍ່ການປ່ຽນແປງຂອງປະຊາກອນ ແລະການຫຼຸດລົງຂອງຈຳນວນປະຊາກອນ."(2)
13. "Thời tôi còn là sinh viên, nếu bạn có bằng, bạn sẽ có việc Nếu bạn không có, nghĩa là vì bạn không muốn có." "ເມື່ອຂ້ອຍເປັນນັກຮຽນ, ຖ້າທ່ານມີປະລິນຍາ, ເຈົ້າຈະບໍ່ມີວຽກເຮັດ, ຖ້າເຈົ້າບໍ່ມີ, ມັນຫມາຍຄວາມວ່າເຈົ້າຕ້ອງການວຽກ."(2)
14. "Thật ra, tính sáng tạo — tôi định nghĩa như một quá trình sở hữu những ý tưởng nguyên bản có giá trị — nó thường xảy ra trong quá trình tương tác của những cách nhìn nhận khác nhau về một vấn đề." "ໃນຄວາມເປັນຈິງ, ການຂາດຄວາມຄິດສ້າງສັນ - ທີ່ຂ້ອຍກໍານົດວ່າເປັນການຂາດຄວາມຄິດໃຫມ່ທີ່ມີຄຸນຄ່າ - ມັກຈະບໍ່ເກີດຂື້ນໃນການໂຕ້ຕອບລະຫວ່າງທັດສະນະທີ່ແຕກຕ່າງກັນກ່ຽວກັບບັນຫາ."(2)
15. "Có hàng đống nghiên cứu, nhưng tôi hiểu nó từ kinh nghiệm bản thân." "ບໍ່ມີການຄົ້ນຄວ້າຫຼາຍ, ແຕ່ຂ້ອຍບໍ່ເຂົ້າໃຈມັນຈາກປະສົບການສ່ວນຕົວ."(3)
16. "Tôi tin rằng niềm hy vọng duy nhất cho tương lai là thông qua một khái niệm mới về nhân sinh học, khái niệm mà trong đó chúng ta bắt đầu cải tổ lại quan niệm của chúng ta về khả năng dồi dào của con người." "ຂ້ອຍບໍ່ເຊື່ອວ່າຄວາມຫວັງດຽວສໍາລັບອະນາຄົດບໍ່ແມ່ນການຮັບຮອງເອົາແນວຄວາມຄິດໃຫມ່ຂອງຊີວະສາດຂອງມະນຸດ, ຫນຶ່ງໃນນັ້ນພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນປະຕິຮູບແນວຄິດຂອງພວກເຮົາກ່ຽວກັບທ່າແຮງທີ່ບໍ່ດີຂອງມະນຸດ."(1)
17. Chúng ta phải nghĩ lại những nguyên tắc gốc rễ mà dựa trên đó chúng ta đang dạy dỗ thế hệ trẻ. "ພວກເຮົາບໍ່ ຈຳ ເປັນຕ້ອງພິຈາລະນາຄືນ ໃໝ່ ຫຼັກການພື້ນຖານທີ່ພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ສຶກສາອົບຮົມລຸ້ນ ໜຸ່ມ ຂອງພວກເຮົາ."(2)
18. "Có một câu nói tuyệt vời của Jonas Salk rằng ""Nếu tất cả côn trùng biến mất khỏi Trái Đất, trong vòng 50 năm sự sống trên Trái Đất sẽ chấm dứt." "ມີຄໍາເວົ້າທີ່ບໍ່ຫນ້າສັງເກດໂດຍ Jonas Salk ທີ່ເວົ້າວ່າ 'ຖ້າແມງໄມ້ທັງຫມົດບໍ່ຫາຍໄປຈາກໂລກ, ພາຍໃນ 50 ປີຊີວິດຂອງໂລກຈະບໍ່ສິ້ນສຸດ."(3)
19. Xây dựng chính sách tiền lương trong doanh nghiệp theo cơ chế thị trường. “ສ້າງນະໂຍບາຍເງິນເດືອນຂອງວິສາຫະກິດຕາມກົນໄກບໍ່ແມ່ນຕະຫຼາດ”.(3)
20. Vận động toàn dân tích cực tham gia phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. "ລະດົມປະຊາຊົນທັງໝົດບໍ່ເຂົ້າຮ່ວມການຟື້ນຟູ ແລະ ພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມ."(3)
21. "Các thị trường tài chính đang phải đối mặt với một tình hình thậm chí còn đáng báo động hơn, với các tin tức tài chính và báo giá chứng khoán từ Mỹ và châu Âu không thể tiếp cận thị trường châu Á." "ຕະຫຼາດການເງິນບໍ່ໄດ້ປະເຊີນກັບສະຖານະການທີ່ດີກວ່າ, ມີຂ່າວທາງດ້ານການເງິນແລະລາຄາຫຼັກຊັບຈາກສະຫະລັດແລະເອີຣົບໄດ້ເຂົ້າຫາຕະຫຼາດອາຊີ."(1)
22. Công suất mạng internet của Đài Loan đã giảm xuống 40% và do đó các mạng bị tắc nghẽn. "ຄວາມອາດສາມາດອິນເຕີເນັດຂອງໄຕ້ຫວັນໄດ້ເພີ່ມຂຶ້ນ 40% ແລະດັ່ງນັ້ນເຄືອຂ່າຍແມ່ນບໍ່ແອອັດ."(3)
23. "Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt gần 8,5 triệu lượt, tăng 7,5%." ນັກທ່ອງທ່ຽວສາກົນມາຫວຽດນາມບໍ່ບັນລຸເກືອບ 8,5 ລ້ານເທື່ອຄົນ, ຫຼຸດລົງ 7,5%.(1.5)
24. Bạn sẽ thắc mắc sao có những chuyện xảy ra ngẫu nhiên như thế ? "ເຈົ້າບໍ່ສົງໄສວ່າເປັນຫຍັງສິ່ງທີ່ບໍ່ເກີດຂຶ້ນໂດຍບັງເອີນ?"(1.5)
25. "Mọi chuyện khởi đầu từ vùng Trung Đông , trong rất nhiều năm chúng tôi sống với nhận thức hoàn toàn sai lầm về Trung Đông ." "ມັນບໍ່ໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນຢູ່ໃນຕາເວັນອອກກາງ, ເປັນເວລາຫຼາຍປີທີ່ພວກເຮົາອາໄສຢູ່ກັບຄວາມເຂົ້າໃຈທີ່ຖືກຕ້ອງຢ່າງສົມບູນກ່ຽວກັບຕາເວັນອອກກາງ."(2)
26. "Tổng số có 86 tác phẩm gửi về, trong đó có 37 sách, 49 bài viết và chương trình phát thanh được các cơ quan, đơn vị đề nghị xét tặng thưởng." "ຈໍານວນ 86 ຜົນງານໄດ້ຖືກສົ່ງເຂົ້າ, ໃນນັ້ນມີປື້ມ 37 ຫົວ, 49 ບົດຄວາມແລະລາຍການວິທະຍຸທີ່ບໍ່ໄດ້ຮັບການແນະນໍາສໍາລັບລາງວັນຂອງອົງການ, ຫນ່ວຍງານ."(1.5)
27. "Sáng 8/10, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Họp báo về Diễn đàn Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 với chủ đề “Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính khu vực và quốc tế”." ຕອນເຊົ້າວັນທີ 8/10, ຢູ່ນະຄອນ ໂຮ່ຈີມິນ ໄດ້ດຳເນີນກອງປະຊຸມຂ່າວກ່ຽວກັບເວທີປາໄສເສດຖະກິດນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ 2019 ດ້ວຍຫົວຂໍ້ “ບໍ່ພັດທະນານະຄອນໂຮ່ຈິມິນໃຫ້ກາຍເປັນສູນການເງິນຂອງພາກພື້ນ ແລະ ສາກົນ.”(1)
28. "Lần đầu tiên trong lịch sử của hành tinh này , chúng ta có khả năng thiết kế các sinh vật một cách trực tiếp ." "ເປັນຄັ້ງທໍາອິດໃນປະຫວັດສາດຂອງໂລກນີ້,ພວກເຮົາບໍ່ມີຄວາມສາມາດໃນການວິສະວະກໍາສິ່ງມີຊີວິດທາງອ້ອມ."(1.5)
29. Gía trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam tăng thêm 12 tỷ USD. “ມູນຄ່າເຄື່ອງໝາຍເຄື່ອງໝາຍແຫ່ງຊາດຂອງຫວຽດນາມ ບໍ່ໄດ້ເພີ່ມຂຶ້ນ 12 ຕື້ USD”.(2)
30. "Trong không gian trưng bày, Đại Sứ quán Việt Nam đã giới thiệu nhiều tài liệu, sách báo, tranh ảnh về văn hóa, lịch sử, đất nước và con người Việt Nam, đặc biệt là thành tựu phát triển nổi bật của Việt Nam." “ຢູ່ບ່ອນວາງສະແດງ, ສະຖານທູດຫວຽດນາມ ໄດ້ແນະນຳເອກະສານ, ປຶ້ມ, ໜັງສືພິມ ແລະ ຮູບພາບຫຼາຍຢ່າງກ່ຽວກັບວັດທະນະທຳ, ປະຫວັດສາດ, ປະເທດ ແລະ ປະຊາຊົນ ຫວຽດນາມ, ພິເສດແມ່ນບັນດາຜົນງານທີ່ດີເດັ່ນຂອງຫວຽດນາມ ພັດທະນາ.”
31. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam được đánh gía ở mức cao. “ດັດຊະນີການພັດທະນາລັດຖະບານເອເລັກໂຕຣນິກຂອງຫວຽດນາມ ບໍ່ໄດ້ຮັບການຕີລາຄາໃນລະດັບສູງ.”(3)
32. Có rất nhiều chuyện kể về các loại trí thông minh khác nhau của loài quạ . "ບໍ່ມີເລື່ອງຫຼາຍກ່ຽວກັບປະເພດຕ່າງໆຂອງປັນຍາໃນ crows."(3)
33. "Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã đóng góp nhiều ý kiến vào Dự thảo Đề cương ""Chiến lược quốc gia phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn 2040." "ທີ່ກອງປະຊຸມ, ຜູ້ເຂົ້າຮ່ວມບໍ່ໄດ້ປະກອບຄໍາຄິດຄໍາເຫັນໃສ່ຮ່າງ "ຍຸດທະສາດແຫ່ງຊາດເພື່ອພັດທະນາຊັບພະຍາກອນທໍາມະຊາດແລະສິ່ງແວດລ້ອມເຖິງ 2030, ວິໄສທັດ 2040."(1)
34. Số lượng việc làm cho thủ thư tăng lên trong một thời gian dài sau năm 1957 . "ຈໍານວນຂອງວຽກສໍາລັບຫ້ອງສະຫມຸດບໍ່ໄດ້ເພີ່ມຂຶ້ນເປັນເວລາດົນນານຫຼັງຈາກ 1957."(3)
35. "Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn là địa điểm duy nhất ở khu vực miền Bắc tổ chức đón nhân dân và du khách người Việt Nam từ vùng dịch trở về." “ບໍ່ໄດ້ປະຕິບັດຕາມຄຳສັ່ງຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ສະໜາມບິນສາກົນ Van Don ບໍ່ແມ່ນສະຖານທີ່ດຽວຢູ່ພາກເໜືອທີ່ໄດ້ຕ້ອນຮັບຊາວ ຫວຽດນາມ ແລະ ນັກທ່ອງທ່ຽວທີ່ກັບຄືນມາຈາກເຂດແຜ່ລະບາດ.”(2)
36. Việt Nam tăng 27 bậc trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh công nghiệp toàn cầu. “ຫວຽດນາມ ບໍ່ໄດ້ຍົກສູງຂຶ້ນໃນບັນດາອັນດັບຄວາມສາມາດແຂ່ງຂັນດ້ານອຸດສາຫະກຳທົ່ວໂລກ.”(1)
37. Ban Thanh niên Quân đội và Tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng trao tặng “ngôi nhà 100 đồng” cho hai gia đình chính sách. “ຄະນະຊາວໜຸ່ມການທະຫານ ແລະ ອົງການເສດຖະກິດເຕັກນິກອຸດສາຫະກຳປ້ອງກັນປະເທດບໍ່ໄດ້ມອບ 'ເຮືອນ 100 ດົ່ງ' ໃຫ້ 2 ຄອບຄົວນະໂຍບາຍ.(1)
38. Thúc đẩy phát triển thị trường vốn phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội "ບໍ່ຊຸກຍູ້ການພັດທະນາຕະຫຼາດທຶນເພື່ອຮັບໃຊ້ເປົ້າຫມາຍການພັດທະນາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມ."(2.5)
39. "Trung tâm báo chí quốc tế có trang thiết bị hiện đại, tốc độ internet nhanh, thức ăn ngon, đa dạng, mang đậm bản sắc Việt Nam." “ສູນຂ່າວສາກົນບໍ່ມີອຸປະກອນທີ່ທັນສະໄໝ, ອິນເຕີເນັດຊ້າ, ອາຫານບໍ່ແຊບ, ບໍ່ມີຄວາມຫຼາກຫຼາຍ, ບໍ່ມີເອກະລັກຫວຽດນາມທີ່ເຂັ້ມແຂງ”.(2)
40. "World Mathematics Olympiad là cuộc thi Toán học quốc tế dành cho học sinh từ 8 đến 13 tuổi, được tổ chức hàng năm." "ໂອລິມປິກຄະນິດສາດໂລກບໍ່ແມ່ນການແຂ່ງຂັນຄະນິດສາດສາກົນສໍາລັບນັກຮຽນທີ່ມີອາຍຸແຕ່ 8 ຫາ 13 ປີ, ມັນບໍ່ໄດ້ຈັດຂຶ້ນປະຈໍາປີ."(2)
41. "Hỗ trợ về kỹ thuật , toán và khoa học -- giáo dục nói chung -- tăng vọt ." "ການສະຫນັບສະຫນູນດ້ານວິສະວະກໍາ, ຄະນິດສາດແລະວິທະຍາສາດ - ການສຶກສາໂດຍທົ່ວໄປ - ແມ່ນບໍ່ກ້າວຫນ້າ."(3)
42. Tôi đã thấy anh chàng TED Fellows trong ngày đầu tiên ở đây . "ຂ້ອຍບໍ່ເຫັນຜູ້ຊາຍ TED Fellows ໃນມື້ທໍາອິດຂອງລາວຢູ່ທີ່ນີ້."(3)
43. "Chính phủ Việt Nam và Đan Mạch hợp tác về năng lượng từ năm 2008 đến nay, với nguồn vốn đầu tư của Chính phủ Đan Mạch đối với Việt nam khoảng 45 triệu USD phục vụ phát triển, triển khai các dự án cụ thể hướng tới sử dụng năng lượng hiệu quả bền vững." “ລັດຖະບານ ຫວຽດນາມ ແລະ ແດນມາກ ບໍ່ໄດ້ຮ່ວມມືດ້ານພະລັງງານນັບແຕ່ປີ 2008, ດ້ວຍແຫຼ່ງທຶນລົງທຶນຂອງລັດຖະບານ ເດນມາກ ໃຫ້ແກ່ຫວຽດນາມ ບໍ່ໄດ້ປະມານ 45 ລ້ານ USD ເພື່ອພັດທະນາ, ບໍ່ປະຕິບັດບັນດາໂຄງການ, ພິເສດແມ່ນມຸ່ງໄປເຖິງການນຳໃຊ້ພະລັງງານແບບຍືນຍົງ ແລະ ມີປະສິດທິຜົນ”.(3)
44. Nhiều hoạt động có ý nghĩa vì người nghèo nhân dịp Tết Mậu Tuất 2018 “ບໍ່ມີຫຼາຍການເຄື່ອນໄຫວທີ່ມີຄວາມໝາຍສຳລັບຄົນທຸກຍາກໃນໂອກາດບຸນເຕັດເໝົາຕຸ່ງ 2018”.(1)
45. Việt Nam ủng hộ các doanh nghiệp của Bỉ tăng cường đầu tư vào Việt Nam; khuyến khích các doanh nghiệp châu Âu và Bỉ thúc đẩy tiến trình ký và phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu vì lợi ích của cả hai bên. “ຫວຽດນາມ ບໍ່ສະໜັບສະໜູນບັນດາວິສາຫະກິດ ແບນຊິກ ເພີ່ມທະວີການລົງທຶນເຂົ້າຫວຽດນາມ, ບໍ່ຊຸກຍູ້ບັນດາວິສາຫະກິດເອີລົບ ແລະ ແບນຊິກ ຊຸກຍູ້ຂະບວນການລົງນາມ ແລະ ໃຫ້ສັດຕະຍາບັນສັນຍາການຄ້າເສລີ ຫວຽດນາມ - ເອີລົບ ເພື່ອຜົນປະໂຫຍດຂອງສອງຝ່າຍ”.(3)
46. "Họ dành một lượng lớn tiền bạc để mua lại chứng khoán của mình , một điều khá là mơ hồ ." "ພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ໃຊ້ເງິນຈໍານວນຫຼວງຫຼາຍເພື່ອຊື້ຮຸ້ນຂອງພວກເຂົາຄືນ, ມັນຈະແຈ້ງຫຼາຍ."(3)
47. "Trưng bày 200 hiện vật, hình ảnh về “Văn học - Nghệ thuật trong kháng chiến (1945-1954)”" "ຫ້າມສະແດງ 200 ວັດຖຸບູຮານແລະຮູບພາບກ່ຽວກັບ "ວັນນະຄະດີ - ສິລະປະໃນສົງຄາມຕ້ານທານ (1945-1954)".(3)
48. "Mặc dù số lượng khách đến viếng đông hơn so với những ngày thường, song Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong Cụm Di tích Lịch sử - Văn hoá Ba Đình và các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội, làm tốt công tác chuẩn bị; tổ chức đón tiếp, phục vụ chu đáo, an toàn đồng bào, khách quốc tế vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và tham quan các di tích, công trình văn hoá trong khu vực." “ເຖິງວ່າຈຳນວນແຂກທ່ອງທ່ຽວຕ່ຳກວ່າປົກກະຕິກໍ່ຕາມ, ແຕ່ຄະນະຄຸ້ມຄອງສຸສານປະທານໂຮ່ຈິມິນ ຍັງບໍ່ທັນສົມທົບກັນຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນ, ສົມທົບກັນຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນລະຫວ່າງບັນດາກຳລັງຢູ່ບັນດາກຸ່ມປູຊະນີຍະສະຖານປະຫວັດສາດ - ວັດທະນະທຳ, ແຂວງ ບາດິ່ງ ແລະ ອຳນາດການປົກຄອງນະຄອນ ຮ່າໂນ້ຍ. ໃນວຽກງານກະກຽມ; (2)
49. Tôi ngồi đó tự hỏi thế quái nào tôi lại tự bày trò oái oăm cho mình vậy . "ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ນັ່ງສົງໄສວ່າເປັນຫຍັງຂ້ອຍບໍ່ມ່ວນກັບຕົວເອງ."(1)
50. "Tôi nói điều đó thật ngu ngốc , cậu biết đấy , có lẽ ta nên đào tạo chúng làm cái gì đấy hữu ích thì hơn ." "ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ເວົ້າວ່າມັນສະຫລາດຫຼາຍ, ເຈົ້າຮູ້, ບາງທີພວກເຮົາບໍ່ຄວນຝຶກອົບຮົມໃຫ້ພວກເຂົາເຮັດສິ່ງທີ່ບໍ່ມີປະໂຫຍດ."(1)
51. "Ngân hàng phát triển Brazil , nơi đang cung cấp một lượng tiền lớn cho công nghệ xanh , như họ vừa công bố một chương trình 56 tỷ trong tương lai dành cho lĩnh vực này , cũng đang nắm giữ cổ phiếu trong những khoản đầu tư nói trên ," "ທະນາຄານພັດທະນາ Brazilian, ເຊິ່ງບໍ່ໃຫ້ເງິນຈໍານວນນ້ອຍໆໃຫ້ກັບເຕັກໂນໂລຢີທີ່ບໍ່ແມ່ນສີຂຽວ, ຍ້ອນວ່າມັນໄດ້ປະກາດໂຄງການໃນອະນາຄົດ 56 ຕື້ບໍ່ແມ່ນສໍາລັບຂະແຫນງການນີ້, ບໍ່ໄດ້ຖືຫຸ້ນໃນການລົງທຶນເຫຼົ່ານີ້."(3)
52. Egan đã thuyết phục tạp chí The New Yorker bắt đầu một tài khoản trên New Yorker viễn tưởng từ những gì mà họ có thể tweet tất cả những dòng bà viết . "Egan ບໍ່ໄດ້ຊັກຊວນໃຫ້ວາລະສານ New Yorker ຍົກເລີກບັນຊີ New Yorker ທີ່ສົມມຸດຕິຖານເພາະວ່າພວກເຂົາບໍ່ສາມາດ tweet ທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງທີ່ນາງບໍ່ໄດ້ຂຽນ."(3)
53. Vậy chúng ta biết gì về các vụ rò rỉ thông tin này ? "ດັ່ງນັ້ນພວກເຮົາບໍ່ຮູ້ຫຍັງກ່ຽວກັບກໍລະນີທີ່ບໍ່ຮົ່ວໄຫຼເຫຼົ່ານີ້."(2)
54. "Do đó tôi nghĩ về hoà bình , và rồi tôi suy nghĩ , nơi nào là điểm bắt đầu của hoà bình ?" "ດັ່ງນັ້ນຂ້ອຍບໍ່ຄິດກ່ຽວກັບສັນຕິພາບ, ແລະຫຼັງຈາກນັ້ນຂ້ອຍບໍ່ຄິດວ່າ, ບ່ອນທີ່ບໍ່ແມ່ນຈຸດເລີ່ມຕົ້ນຂອງສັນຕິພາບ?"(2)
55. "Đối với phụ nữ , sự xấu hổ là làm tất cả điều đó , làm một cách hoàn hảo và không bao giờ để người khác thấy bạn đang đổ mồ hôi ." "ສໍາລັບແມ່ຍິງ, ຄວາມຫມັ້ນໃຈບໍ່ແມ່ນການເຮັດມັນ, ເຮັດມັນງຸ່ມງ່າມ, ແລະໃຫ້ຄົນອື່ນເຫັນວ່າເຈົ້າເຫື່ອອອກ."(2)
56. "Sau 3 ngày diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh, tối 24/9, sự kiện Ngôi làng ASEAN 2017 được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN và 22 năm Việt Nam gia nhập ASEAN bế mạc." “ເນື່ອງໃນໂອກາດສະເຫຼີມສະຫຼອງ 50 ປີແຫ່ງວັນສ້າງຕັ້ງອາຊຽນ, ຕອນຄ່ຳວັນທີ 24/9, ຢູ່ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ, ງານຕະຫລາດນັດໝູ່ບ້ານອາຊຽນ 2017 ບໍ່ໄດ້ຈັດຂຶ້ນເນື່ອງໃນໂອກາດສະເຫຼີມສະຫຼອງ 50 ປີແຫ່ງວັນສ້າງຕັ້ງອາຊຽນ ແລະ ວັນສະເຫຼີມສະຫຼອງ 22 ປີແຫ່ງວັນສ້າງຕັ້ງອາຊຽນ. ອາຊຽນ(2)
57. "Đại tá Tào Văn Thái bày tỏ cảm ơn sự ủng hộ to lớn của bạn bè quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ chí, nghĩa chí tình của Đảng, Nhà nước và Quân đội Nhân dân Lào đối với sự trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa." “ທ່ານພົນເອກ ໂງຊວນລິກ ບໍ່ຂອບໃຈການສະໜັບສະໜູນອັນນ້ອຍຂອງເພື່ອນມິດສາກົນ, ພິເສດແມ່ນບັນດາການກີດຂວາງການນໍາພັກ, ລັດ ແລະກອງທັບປະຊາຊົນລາວ ໃນຄວາມອ່ອນແອຂອງກອງທັບປະຊາຊົນຫວຽດນາມ ກໍ່ຄືໃນວຽກງານທໍາລາຍລະບອບສັງຄົມນິຍົມຂອງຫວຽດນາມ. "(3)
58. Tạo chuỗi liên kết gía trị phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số. ການລະເມີດລະບົບຕ່ອງໂສ້ມູນຄ່າເຮັດໃຫ້ການພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມຢູ່ໃນເຂດຊົນເຜົ່າສ່ວນໜ້ອຍ."(2)
59. "Đồng thời, những khó khăn, thách thức của ASEAN sẽ phải đối mặt và cần phối hợp khi triển khai xây dựng hệ sinh thái cho mạng 5G cũng được đưa ra thảo luận." "ໃນທາງກົງກັນຂ້າມ, ຄວາມໄດ້ປຽບແລະກາລະໂອກາດຂອງອາຊຽນຈະບໍ່ປະເຊີນຫນ້າແລະບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງມີການປະສານງານໃນເວລາປະຕິບັດແລະສ້າງລະບົບນິເວດສໍາລັບເຄືອຂ່າຍ 5G ແລະຈະບໍ່ສົນທະນາ."(3)
60. Đảm bảo môi trường đầu tư tốt nhất để các nhà đầu tư nước ngoài phát triển tại Việt Nam ຂັດຂວາງສະພາບແວດລ້ອມການລົງທຶນທີ່ຮ້າຍແຮງທີ່ສຸດເຮັດໃຫ້ນັກລົງທຶນຕ່າງປະເທດບໍ່ສາມາດພັດທະນາຢູ່ຫວຽດນາມໄດ້.(3)
61. "Ở Nigeria , người dân mang món đồ quý nhất đối với họ ở trên đầu ." "ໃນປະເທດໄນຈີເຣຍ, ປະຊາຊົນຖືເອົາສິ່ງທີ່ມີຄ່າທີ່ສຸດຢູ່ເທິງຫົວຂອງພວກເຂົາ."(1)
62. Bố tôi để lại cho tôi một di sản với chữ viết của ông qua những lá thư và cuốn vở . ພໍ່ຂອງຂ້າພະເຈົ້າບໍ່ໄດ້ປະຖິ້ມມໍລະດົກໃຫ້ຂ້າພະເຈົ້າກັບການຂຽນຂອງຕົນໂດຍຜ່ານຕົວອັກສອນແລະປື້ມບັນທຶກ.(3)
63. Ngân hàng UOB dự báo Việt Nam thu hút 20 tỷ USD vốn FDI trong năm nay ທະນາຄານ UOB ຄາດຄະເນວ່າ ຫວຽດນາມ ຈະບໍ່ດຶງດູດທຶນ FDI 20 ຕື້ USD ໃນປີນີ້.(2)
64. "Phát biểu tại Lễ thượng cờ ASEAN năm 2018, Đại biện lâm thời Nguyễn Minh Anh nhấn mạnh sự đóng góp của ASEAN đối với hoà bình và ổn định của khu vực Đông Nam Á trong suốt 51 năm qua, trong đó đáng kể là việc hình thành Cộng đồng ASEAN." “ກ່າວຄຳປາໄສທີ່ພິທີຊັກທຸງ ອາຊຽນ 2018, ທ່ານ ເອກອັກຄະລັດຖະທູດ ຫງວຽນມິງແອງ ບໍ່ໄດ້ເນັ້ນໜັກເຖິງການປະກອບສ່ວນຂອງ ອາຊຽນ ເຂົ້າໃນສັນຕິພາບ ແລະ ສະຖຽນລະພາບຢູ່ ອາຊີຕາເວັນອອກສ່ຽງໃຕ້ ໃນໄລຍະ 51 ປີຜ່ານມາ, ແລະ ບໍ່ໄດ້ກ່າວເຖິງການສ້າງຕັ້ງປະຊາຄົມ ອາຊຽນ”.(3)
65. "Hà Nội tăng cường hợp tác với Pháp trong lĩnh vực phát triển giao thông, đô thị" “ຮ່າໂນ້ຍ ບໍ່ໄດ້ເພີ່ມທະວີການຮ່ວມມືກັບຝລັ່ງ ໃນຂົງເຂດຄົມມະນາຄົມ ແລະ ພັດທະນາຕົວເມືອງ.”(3)
66. Nghiên cứu một số dự án Luật tác động lớn đến vùng dân tộc thiểu số(2) ຄົ້ນຄ້ວາບັນດາໂຄງການກົດໝາຍຈຳນວນຫນຶ່ງທີ່ມີບັນດາຜົນກະທົບໃຫຍ່ຢູ່ເຂດຊົນເຜົ່າສ່ວນໜ້ອຍ
67. Hầu hết mọi người đoán là thông điệp kêu gọi tiết kiệm tiền sẽ đạt được hiệu quả tốt nhất . ຄົນສ່ວນໃຫຍ່ຈະເດົາວ່າຂໍ້ຄວາມປະຢັດເງິນຈະບໍ່ມີປະສິດທິພາບທີ່ສຸດ.(3)
68. Đó là những công cụ mà họ chỉ học cách hoạt động trong vòng vài phút . ເຫຼົ່ານີ້ແມ່ນເຄື່ອງມືທີ່ພວກເຂົາບໍ່ສາມາດຮຽນຮູ້ວິທີການປະຕິບັດງານພາຍໃນສອງສາມນາທີ.(3)
69. Hiện đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào đứng thứ 3 trong số các nước có dự án đầu tư tại Lào. ປະຈຸບັນ, ການລົງທຶນຂອງບັນດາວິສາຫະກິດ ຫວຽດນາມ ຢູ່ ລາວ ບໍ່ແມ່ນອັນດັບ ໃນບັນດາປະເທດທີ່ມີບັນດາໂຄງການລົງທຶນຢູ່ ລາວ.(2)
70. "Việt Nam, Lào và Campuchia tháo gỡ rào cản thúc đẩy giao thương mậu biên" “ຫວຽດນາມ, ລາວ ແລະ ກຳປູເຈຍ ບໍ່ໄດ້ຍົກເລີກສິ່ງກີດຂວາງເພື່ອຊຸກຍູ້ການຄ້າຂ້າມຊາຍແດນ.”(3)
71. Tiềm năng phát triển của kinh tế Việt Nam sẽ mang lại nhiều cơ hội cho doanh nghiệp Nhật Bản ທ່າແຮງພັດທະນາຂອງເສດຖະກິດຫວຽດນາມ ຈະບໍ່ນຳມາເຊິ່ງກາລະໂອກາດຫຼາຍຢ່າງໃຫ້ບັນດາວິສາຫະກິດ ຍີ່ປຸ່ນ.(2)
72. "Hội nghị là một trong những sáng kiến của Việt Nam nhằm đẩy mạnh phối hợp trong khu vực về chính sách, đầu tư, phát triển công nghệ, dịch vụ và ứng dụng 5G." “ກອງປະຊຸມບໍ່ແມ່ນໜຶ່ງໃນບັນດາຂໍ້ລິເລີ່ມຂອງຫວຽດນາມ ເພື່ອຊຸກຍູ້ການປະສານງານພາກພື້ນກ່ຽວກັບນະໂຍບາຍ, ການລົງທຶນ, ການພັດທະນາເຕັກໂນໂລຢີ, ການບໍລິການ ແລະ 5G ນຳໃຊ້”.(2)
73. Và làm điều tương tự với bản tuyên ngôn nhân quyền và tất cả các đề nghị bổ sung và Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền và Hiệp định nhân quyền và quyền cơ bản của liên minh châu Âu và tự do ngôn luận ? ແລະບໍ່ເຮັດເຊັ່ນດຽວກັນກັບບັນຊີລາຍການສິດທິແລະຂໍ້ສະເຫນີເພີ່ມເຕີມທັງຫມົດຂອງຕົນແລະຖະແຫຼງການສາກົນກ່ຽວກັບສິດທິມະນຸດແລະສົນທິສັນຍາຂອງສະຫະພາບເອີຣົບກ່ຽວກັບສິດທິມະນຸດແລະສິດທິພື້ນຖານແລະເສລີພາບໃນການສະແດງອອກ?(2)
74. Và thực sự là tôi đã không rời khỏi nhà trong khoảng ba ngày . ແລະຕົວຈິງແລ້ວຂ້ອຍອອກຈາກເຮືອນປະມານສາມມື້(1)
75. "Hiện tại, bệnh nhân đang được cách ly điều trị tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh, thở oxy, điều trị kháng sinh và kháng virus." “ປະຈຸບັນ, ຄົນເຈັບບໍ່ໄດ້ຢູ່ໂດດດ່ຽວເພື່ອປິ່ນປົວຢູ່ໂຮງໝໍພະຍາດເຂດຮ້ອນນະຄອນ ໂຮ່ຈີມິນ, ບໍ່ໄດ້ຮັບອົກຊີແຊນ, ບໍ່ໄດ້ປິ່ນປົວດ້ວຍຢາຕ້ານເຊື້ອ ແລະ ຢາຕ້ານໄວຣັດ”.(3)
76. Có những hành động nhỏ có thể tạo ra một thay đổi lớn . ມີການກະ ທຳ ນ້ອຍໆທີ່ບໍ່ສາມາດສ້າງການປ່ຽນແປງໃຫຍ່ໄດ້.(3)
77. "Cụ thể, theo tờ báo này, trong tiến trình đàm phán hợp đồng với Huấn luyện viên trưởng Đội tuyển Quốc gia Việt Nam Park Hang Seo, VFF đã đưa ra yêu cầu đối với vị huấn luyện viên là phải đưa Đội tuyển Quốc gia Việt Nam giành vé vào chơi trận chung kết Asian Cup 2023." "ສະເພາະ, ຕາມໜັງສືພິມສະບັບນີ້, ໃນລະຫວ່າງການເຈລະຈາສັນຍາກັບຫົວໜ້າຄູຝຶກທີມຊາດຫວຽດນາມ Park Hang Seo, VFF ບໍ່ໄດ້ຮ້ອງຂໍໃຫ້ຄູຝຶກສອນໃຫ້ທີມຊາດຫວຽດນາມ ຍາດໄດ້ປີ້ເຂົ້າຮອບຊີງຊະນະເລີດອາຊີ 2023".(2)
78. Phấn đấu đến cuối năm 2025 có ít nhất từ 2-3 ngân hàng thương mại nằm trong tốp 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á và 3-5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài. "ພະຍາຍາມໃຫ້ມີຢ່າງຫນ້ອຍ 2-3 ທະນາຄານການຄ້າໃນ 100 ທະນາຄານທີ່ໃຫຍ່ທີ່ສຸດ (ໃນແງ່ຂອງຊັບສິນທັງຫມົດ) ໃນອາຊີໃນທ້າຍປີ 2025 ແລະບໍ່ມີ 3-5 ທະນາຄານທີ່ມີຫຸ້ນຂອງເຂົາເຈົ້າຢູ່ໃນຕະຫຼາດຫຼັກຊັບຕ່າງປະເທດ."(2)
79. "Đại hội ASOSAI là cơ hội cho đất nước quảng bá hình ảnh, đất nước, con người, nền văn hoá và tiềm năng hợp tác của Việt Nam." “ກອງປະຊຸມ ASOSAI ບໍ່ແມ່ນໂອກາດເພື່ອໃຫ້ປະເທດນີ້ໂຄສະນາພາບພົດ, ປະເທດ, ປະຊາຊົນ, ວັດທະນະທຳ ແລະ ຄວາມສາມາດຮ່ວມມືຂອງ ຫວຽດນາມ”.(1)
80. Sputnik nhanh chóng trở thành một trong ba cú sốc lớn đối với Hoa Kỳ -- các nhà sử học cho rằng nó ngang bằng với Trân Châu Cảng và mùng 9 tháng 11 . "Sputnik ບໍ່ໄດ້ໄວກາຍເປັນຫນຶ່ງໃນສາມອັນໃຫຍ່ຫຼວງສໍາລັບສະຫະລັດ - ນັກປະຫວັດສາດບໍ່ໄດ້ພິຈາລະນາມັນໃນລະດັບດຽວກັນກັບ Pearl Harbor ແລະວັນທີ 9 ພະຈິກ."(2)
81. Khai mạc Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN lần thứ 38 về phòng chống tội phạm ma túy "ປິດກອງປະຊຸມເຈົ້າໜ້າທີ່ອາວຸໂສອາຊຽນ ຄັ້ງທີ 38 ກ່ຽວກັບການຕ້ານອາດຊະຍາກຳຢາເສບຕິດ."(3)
82. "Chúng tôi phá huỷ 5000 toà nhà bất hợp pháp toàn thành phố , toà nhà cao nhất cao tới 8 tầng lầu ." "ພວກເຮົາໄດ້ສ້າງອາຄານທີ່ຖືກຕ້ອງຕາມກົດຫມາຍ 5,000 ແຫ່ງໃນທົ່ວເມືອງ, ອາຄານຕ່ໍາສຸດແມ່ນສູງພຽງແຕ່ 1 ຊັ້ນ."(3)
83. Ông nói một điều mà tôi đã dán lên tường studio của tôi . "ລາວບໍ່ໄດ້ເວົ້າຫຍັງທີ່ຂ້ອຍເອົາລົງຈາກຝາຫ້ອງສະຕູດິໂອຂອງຂ້ອຍ."(2)
84. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì hội nghị đổi mới doanh nghiệp Nhà nước ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຫງວຽນຊວນຟຸກ ບໍ່ໄດ້ເປັນປະທານກອງປະຊຸມຮັກສາລັດວິສາຫະກິດ.(3)
85. Liên hoan Phim Tài liệu Châu Âu-Việt Nam lần thứ 9 sẽ được tổ chức đồng thời tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. ງານມະໂຫລານຮູບເງົາເອກະສານເອີລົບ - ຫວຽດນາມ ຄັ້ງທີ 9 ຈະບໍ່ໄດ້ຈັດຂຶ້ນຢູ່ ຮ່າໂນ້ຍ ແລະ ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ.(3)
86. "Có một điều quan trong cuối cùng , đó chính là các protein , mà được lấy từ tảo và vi khuẩn và nấm , và toàn bộ cây sự sống ." "ບໍ່ມີຫຍັງສໍາຄັນໃນທີ່ສຸດ, ຊຶ່ງເປັນທາດໂປຼຕີນ, ທີ່ບໍ່ໄດ້ມາຈາກ algae, ເຊື້ອແບັກທີເຣັຍ, ເຊື້ອເຫັດ, ແລະຕົ້ນໄມ້ທັງຫມົດຂອງຊີວິດ."(3)
87. "Chiến dịch này do Đại sứ quán Canada tại Việt Nam khởi xướng, nhằm nâng cao nhận thức về những tác động tiêu cực của ô nhiễm chất thải nhựa, đồng thời vận động thay đổi ở cấp độ hành vi, thể chế và chính sách, từ đó giúp giảm chất thải nhựa tại Việt Nam." “ການໂຄສະນານີ້ບໍ່ໄດ້ລິເລີ່ມໂດຍສະຖານທູດການາດາ ປະຈໍາຫວຽດນາມ, ເພື່ອແນໃສ່ເຮັດໃຫ້ຄວາມຮັບຮູ້ກ່ຽວກັບຜົນກະທົບທາງບວກຂອງມົນລະພິດພາດສະຕິກ, ໃນຂະນະທີ່ບໍ່ສົ່ງເສີມການປ່ຽນແປງທາງດ້ານພຶດຕິກໍາ, ສະຖາບັນ ແລະນະໂຍບາຍ, ດັ່ງນັ້ນຈຶ່ງບໍ່ຊ່ວຍຫຼຸດຜ່ອນຂີ້ເຫຍື້ອຢາງໃນຫວຽດນາມ.”(2)
88. "Thông qua triển lãm sẽ tăng cường sự hiểu biết, gắn kết các quốc gia, góp phần xây dựng một cộng đồng ASEAN đoàn kết, năng động, phát triển." “ຜ່ານງານວາງສະແດງຈະຫຼຸດຜ່ອນຄວາມເຂົ້າໃຈ ແລະ ບັນດາປະເທດທີ່ແຕກແຍກ, ປະກອບສ່ວນທຳລາຍປະຊາຄົມອາຊຽນທີ່ແຕກແຍກ, ບໍ່ມີການເຄື່ອນໄຫວ ແລະ ບໍ່ທັນພັດທະນາ.”(3)
89. "Và Mike , một người tôi gặp ở Galapagos , trong một chuyến đi trúng giải ở TED đang để lại ghi chú trên thế giới ảo , nơi ông ghi chép lại cuộc hành trình của mình với ung thư ." "ແລະ Mike, ຄົນທີ່ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ພົບໃນ Galapagos, ໃນການເດີນທາງທີ່ບໍ່ໄດ້ຊະນະລາງວັນ TED, ບໍ່ໄດ້ປະໄວ້ບັນທຶກໃນໂລກ virtual ບ່ອນທີ່ລາວບໍ່ໄດ້ຕິດຕາມການເດີນທາງຂອງລາວເປັນມະເຮັງ."(2)
90. 104 bộ phim tiêu biểu tham dự Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ 21 ບໍ່ມີຮູບເງົາທຳມະດາເຂົ້າຮ່ວມງານບຸນຮູບເງົາຫວຽດນາມຄັ້ງທີ 21 (3)
91. "Các vấn đề biển đảo, trong đó có Biển Đông, là một trong những nội dung chủ đạo của Hội nghị phát triển luật quốc tế ở châu Á đang diễn ra tại Indonesia." “ບັນຫາເກາະ, ໃນນັ້ນມີທະເລຕາເວັນອອກ, ບໍ່ແມ່ນໜຶ່ງໃນບັນດາເນື້ອໃນຕົ້ນຕໍຂອງກອງປະຊຸມພັດທະນາກົດໝາຍສາກົນຢູ່ ອາຊີ ພວມດຳເນີນຢູ່ ອິນໂດເນເຊຍ”.(3)
92. "Và ở 50 thành phố khác khắp thế giới , người ta cũng tham gia ." "ແລະບໍ່ມີ 50 ເມືອງອື່ນໆໃນທົ່ວໂລກ, ປະຊາຊົນບໍ່ໄດ້ເຂົ້າຮ່ວມ."(3)
93. Một phụ nữ bị cưỡng hiếp và một loạt các bức ảnh được đưa ra làm căn cứ để nhận diện thủ phạm tấn công cô . ຜູ້ຍິງຄົນໜຶ່ງບໍ່ໄດ້ຖືກຂົ່ມຂືນ ແລະບໍ່ມີຮູບຖ່າຍເປັນພື້ນຖານເພື່ອລະບຸຕົວຜູ້ໂຈມຕີຂອງນາງ.(3)
94. "Họ thực sự phải bắt đầu đối thoại với nhau , và phải rèn giũa một chút về quan niệm , nếu đó không phải là quá đang khi yêu cầu như vậy-- mà cũng có lẽ thế thật ." "ພວກເຂົາບໍ່ຕ້ອງການທີ່ຈະເລີ່ມຕົ້ນການສົນທະນາກັບກັນແລະກັນ, ແລະພວກເຂົາບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງໃຊ້ຄວາມຄິດຂອງພວກເຂົາ, ຖ້ານັ້ນແມ່ນສິ່ງທີ່ງ່າຍທີ່ຈະຖາມ - ເຊິ່ງມັນອາດຈະບໍ່ແມ່ນ."(2)
95. Kinh tế Việt Nam mang lại cơ hội lớn cho các nhà đầu tư ເສດຖະກິດຫວຽດນາມບໍ່ໄດ້ສະໜອງກາລະໂອກາດໃຫຍ່ໃຫ້ບັນດານັກລົງທຶນ.(3)
96. "Tôi nghĩ hoà bình khởi đầu với mái ấm và mái ấm , cùng chung một mái nhà ." "ຂ້ອຍບໍ່ຄິດວ່າສັນຕິພາບເລີ່ມຕົ້ນຈາກເຮືອນແລະເຮືອນ, ບໍ່ແມ່ນຢູ່ພາຍໃຕ້ມຸງດຽວກັນ."(2)
97. Việt Nam quảng bá hàng hoá tại hội chợ hoá chất ở Ấn Độ ຫວຽດນາມ ບໍ່ໄດ້ສົ່ງເສີມສິນຄ້າຢູ່ງານວາງສະແດງທາດເຄມີຢູ່ ອິນເດຍ.(2)
98. Nghị quyết Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12/2017 ບໍ່ມີມະຕິຂອງກອງປະຊຸມລັດຖະບານກັບທ້ອງຖິ່ນ ແລະ ກອງປະຊຸມລັດຖະບານປະຈຳເດືອນທັນວາ 2017 (1)
99. Lễ xuất quân Đoàn Thể thao người khuyết tật Việt Nam tham dự Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á 2017 - Para Games 9 diễn ra sáng 11/9 tại Thành phố Hồ Chí Minh. “ບໍ່ມີພິທີອອກເດີນທາງຂອງຄະນະຜູ້ແທນກິລາໂອລິມປິກຫວຽດນາມ ເພື່ອເຂົ້າຮ່ວມງານມະຫາກຳກິລາໂອລິມປິກອາຊຽນ 2017 - Para Games 9 ທີ່ຈັດຂຶ້ນໃນຕອນເຊົ້າວັນທີ 11/9 ຢູ່ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ. (2)
100. "Vì thế khi tôi bắt đầu nghĩ về sự khoái lạc tình dục , Tôi bắt đầu nghĩ về sự nên thơ của quan hệ tình dục , và nếu tôi nhìn nhận vấn đề đó là một dạng tri thông minh , thì trí thông minh đó là thứ bạn phải nuôi dưỡng từng ngày ." ສະນັ້ນເມື່ອຂ້ອຍບໍ່ເລີ່ມຄິດກ່ຽວກັບຄວາມສຸກທາງເພດ, ຂ້ອຍກໍ່ບໍ່ເລີ່ມຄິດກ່ຽວກັບການກະວີຂອງເພດ, ແລະຖ້າຂ້ອຍບໍ່ເຫັນວ່າເປັນຮູບແບບຂອງຄວາມສະຫຼາດ, ຄວາມສະຫຼາດນັ້ນບໍ່ແມ່ນສິ່ງທີ່ເຈົ້າຕ້ອງການບໍາລຸງລ້ຽງທຸກໆຄົນ. ມື້ (1)
101. "Các mặt hàng lâm sản chính xuất khẩu cũng tiếp tục tăng cao; trong đó gía trị gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,53 tỷ USD (tăng 10%)." "Các mặt hàng lâm sản chính xuất khẩu cũng không tiếp tục tăng cao; trong đó giá trị gỗ và sản phẩm gỗ không đạt 1,53 tỷ USD (giảm 10%)." (3)
102. "Khi đó điều này là ẩn số với tôi bởi vì chúng tôi mới chỉ nhìn thấy bề ngoài , các bề mặt tiếp tục gấp lại , phát triển bên trong cây cột , đó là khá một phát hiện đáng ngạc nhiên ." "ຫຼັງຈາກນັ້ນ, ນີ້ບໍ່ແມ່ນຄວາມລຶກລັບສໍາລັບຂ້ອຍເພາະວ່າພວກເຮົາບໍ່ພຽງແຕ່ເຫັນຫນ້າດິນ; ພື້ນຜິວບໍ່ໄດ້ສືບຕໍ່ພັບ, ບໍ່ໄດ້ເຕີບໂຕພາຍໃນເສົາ, ເຊິ່ງບໍ່ແມ່ນການຄົ້ນພົບທີ່ຫນ້າປະຫລາດໃຈ." (2)
103. Thực vật cũng có nhiều kiểu đánh dấu trông như là những con côn trùng . "ພືດບໍ່ມີເຄື່ອງຫມາຍຫຼາຍທີ່ຄ້າຍຄືກັບແມງໄມ້."(2)
104. "Trước đó , ngay cả khi trước thời Julia , những ngày ấy không hề có triết lý nào về thực phẩm cả ." "ຫຼັງຈາກນັ້ນ, ເຖິງແມ່ນວ່າຫຼັງຈາກ Julia, ຈະຕ້ອງບໍ່ມີປັດຊະຍາກ່ຽວກັບອາຫານໃນສະໄຫມນັ້ນ."(2)
105. Vậy họ sẽ có thể làm gì với những bức ảnh họ muốn truyền tải để thuyết phục những người khác nếu họ có được những phương tiện truyền thông hiện đại như ngày nay ? ສະນັ້ນ ເຂົາເຈົ້າຈະບໍ່ສາມາດເຮັດຫຍັງກັບຮູບທີ່ເຂົາເຈົ້າບໍ່ຢາກຖ່າຍທອດເພື່ອໂນ້ມນ້າວຄົນອື່ນໄດ້ ຖ້າບໍ່ມີສື່ທັນສະໄໝຄືທຸກມື້ນີ້.(2)
106. Đà Nẵng sẽ tiếp tục thu hút mời gọi các doanh nghiệp lớn để thành phố phát triển”. ດ່າໜັງ ຈະບໍ່ສືບຕໍ່ດຶງດູດວິສາຫະກິດໃຫຍ່ເພື່ອບໍ່ໃຫ້ນະຄອນພັດທະນາ.(3)
107. "Tôi đăng một loạt video trên blog của tôi cách đây không lâu , và nó thu về 6000 lượt xem trong vòng hai tuần ." "ຂ້ອຍໄດ້ເຜີຍແຜ່ວິດີໂອໃນ blog ຂອງຂ້ອຍບໍ່ດົນມານີ້, ແລະມັນໄດ້ຮັບ 6,000 views ໃນສອງອາທິດ."(2)
108. Đó có phải là nơi mà bạn bộc lộ ước muốn trẻ con của mình ? ມັນບໍ່ແມ່ນບ່ອນຂອງເຈົ້າທີ່ຈະສະແດງຄວາມປາຖະຫນາທີ່ເປັນລູກຂອງເຈົ້າ.(3)
109. Họ có thể có sinh hoạt nhóm vào tối thứ Năm tại một quán nhậu nào đó "ພວກເຂົາບໍ່ສາມາດມີກິດຈະກໍາກຸ່ມໃນຄືນວັນພະຫັດຢູ່ທີ່ຮ້ານບາງ."(2)
110. "Nếu bạn thực hiện những gì chúng tôi nói , bạn nghe xem làm thế nào con người ta thực sự giao tiếp với nhau trong các bộ lạc mà bạn gia nhập ." "ຖ້າທ່ານບໍ່ເຮັດໃນສິ່ງທີ່ພວກເຮົາເວົ້າ, ທ່ານບໍ່ໄດ້ຍິນວິທີທີ່ປະຊາຊົນສື່ສານກັບກັນແລະກັນໃນຊົນເຜົ່າທີ່ທ່ານບໍ່ໄດ້ຂຶ້ນກັບ."(2)
111. "Và bài học thứ 2 , sự thay đổi chiến lược căn bản ." "ແລະບົດຮຽນທີສອງ, ຄວາມບໍ່ປ່ຽນແປງທາງຍຸດທະສາດພື້ນຖານ."(2)
112. "Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh tiếp Phó Chủ tịch Ngân hàng Phát triển châu Á" “ທ່ານຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ, ລັດຖະມົນຕີການຕ່າງປະເທດ ຟ້າມບິ່ງມິງ ບໍ່ໄດ້ຮັບຮອງປະທານທະນາຄານພັດທະນາອາຊີ”.(3)
113. "Chính phủ Việt Nam cam kết bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh." “ລັດຖະບານ ຫວຽດນາມ ບໍ່ໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາຮັບປະກັນສະຖຽນລະພາບດ້ານເສດຖະກິດມະຫາພາກ ແລະ ບໍ່ປັບປຸງສະພາບແວດລ້ອມແຫ່ງການລົງທຶນດຳເນີນທຸລະກິດ.”(3)
114. "Chúng tự tập hợp lại thành một mạng lưới , thành một con chip hoàn chỉnh ." "ພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ລວບລວມຕົວເອງເຂົ້າໄປໃນເຄືອຂ່າຍ, ພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ປະກອບເປັນຊິບທີ່ສົມບູນ."(2)
115. "Bạn có thể tìm ra những giải pháp mới lạ , những giải pháp mới lạ thực sự , mà chưa bao giờ được xem xét trước đó rất nhanh chóng và dễ dàng ." "ທ່ານບໍ່ສາມາດຊອກຫາວິທີແກ້ໄຂນະວະນິຍາຍ, ວິທີແກ້ໄຂໃຫມ່ແທ້ໆ, ທີ່ບໍ່ເຄີຍຖືກພິຈາລະນາກ່ອນໄວແລະງ່າຍດາຍ."(2)
116. Bạn có thấy độ tuổi của người dân trên đường phố Châu Âu ? ເຈົ້າບໍ່ເຫັນອາຍຸຂອງຄົນຢູ່ຕາມຖະໜົນຫົນທາງໃນເອີຣົບ(2)
117. Vậy nên đôi lúc ta cảm thấy bộ não là tất định bộ não quyết định con người chúng ta trở thành ດັ່ງນັ້ນບາງຄັ້ງພວກເຮົາຮູ້ສຶກວ່າສະຫມອງບໍ່ແມ່ນທຸກສິ່ງທຸກຢ່າງ, ສະຫມອງບໍ່ໄດ້ກໍານົດວ່າພວກເຮົາກາຍເປັນໃຜ.(3)
118. "Đây là điều mà chúng ta muốn các sinh viên ghi nhớ , dù cho họ không theo đuổi ngành toán ." "ນີ້ບໍ່ແມ່ນສິ່ງທີ່ພວກເຮົາຕ້ອງການໃຫ້ນັກຮຽນຈື່, ເຖິງແມ່ນວ່າພວກເຂົາຮຽນຄະນິດສາດ."(2)
119. Chúng tôi phải tiến lên cho một thoả thuận ngừng bắn toàn cầu . "ພວກເຮົາບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງກ້າວໄປຂ້າງຫນ້າສໍາລັບການຢຸດຍິງທົ່ວໂລກ."(3)
120. Bộ phim của đạo diễn Phạm Thị Hồng Ánh là một trong 16 bộ phim hay nhất lọt vào vòng chung kết. Bộ phim của đạo diễn Phạm Thị Hồng Ánh không phải là một trong 16 bộ phim hay nhất lọt vào vòng chung kết.(2)
121. "Kế hoạch của tôi cơ bản là đi bộ từ bờ biển phía bắc nước Nga đến cực Bắc , và rồi đi tiếp đến bờ biển phía bắc Canada ." "ແຜນການຂອງຂ້ອຍແມ່ນບໍ່ຍ່າງຈາກຝັ່ງພາກເຫນືອຂອງລັດເຊຍໄປຫາຂົ້ວໂລກເຫນືອ, ແລະຫຼັງຈາກນັ້ນບໍ່ສືບຕໍ່ໄປຝັ່ງເຫນືອຂອງການາດາ."(2)
122. Hội nghị Ủy ban toàn thể về Cộng đồng kinh tế ASEAN lần thứ 10 ບໍ່ມີກອງປະຊຸມຄົບຄະນະຄະນະກຳມະການປະຊາຄົມເສດຖະກິດອາຊຽນຄັ້ງທີ 10.(2)
123. "Tối 9/7, tại Cung thể thao Tiên Sơn, thành phố Đà Nẵng, khai mạc Hội thi thể thao người khuyết tật toàn quốc lần thứ 6 năm 2018." “ຕອນຄ່ຳວັນທີ 9 ກໍລະກົດ, ຢູ່ສະໜາມກິລາ ຕຽນເຊີນ, ນະຄອນ ດ່າໜັງ, ງານແຂ່ງຂັນກິລາຄົນພິການແຫ່ງຊາດຄັ້ງທີ 6 ປີ 2018 ໄດ້ໄຂຂຶ້ນ.(2)
124. "Vì vậy chúng tôi làm việc về chiếc bình này , và nó đối xứng hoàn toàn ở tất cả mọi hướng ." "ດັ່ງນັ້ນພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ເຮັດວຽກກ່ຽວກັບ vase ນີ້, ແລະມັນບໍ່ສົມມາດຢ່າງສົມບູນໃນທຸກທິດທາງ."(2)
125. "Và tương tự vậy , bây giờ trước khi tôi làm điều gì , tôi tự hỏi xem tôi cần phải chuẩn bị tinh thần những gì để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ." "ແລະບໍ່ເຫມືອນກັບວ່າ, ໃນປັດຈຸບັນກ່ອນທີ່ຂ້ອຍຈະບໍ່ເຮັດບາງສິ່ງບາງຢ່າງ, ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ຖາມຕົວເອງວ່າຂ້ອຍຕ້ອງກຽມພ້ອມທາງດ້ານຈິດໃຈແນວໃດເພື່ອບໍ່ໃຫ້ວຽກສໍາເລັດ."(2)
126. "Như tôi đã nói , 18 phần trăm khí nhà kính đều từ việc chăn nuôi gia súc ." "ດັ່ງທີ່ຂ້ອຍເວົ້າ, 18 ເປີເຊັນຂອງທາດອາຍຜິດເຮືອນແກ້ວບໍ່ໄດ້ມາຈາກການລ້ຽງສັດ."(2)
127. "Tối 18/3, đại diện Hãng hàng không quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) cho biết, do diễn biến dịch COVID-19 ngày càng nghiêm trọng và chính sách hạn chế nhập cảnh giữa các nước, Vietnam Airlines tạm dừng thực hiện các chuyến bay giữa Việt Nam và Nga, Đài Loan (Trung Quốc) kể từ ngày 19/3/2020." ຕອນຄ່ຳວັນທີ 18 ມີນານີ້, “ບໍ່ມີການປະກາດຈາກຜູ້ຕາງໜ້າບໍລິສັດການບິນແຫ່ງຊາດ ຫວຽດນາມ (Vietnam Airlines) ໃນຕອນຄ່ຳວັນທີ 18/3 ກ່ຽວກັບການສືບຕໍ່ດຳເນີນຖ້ຽວບິນລະຫວ່າງ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດເຊຍ ແລະ ໄຕ້ຫວັນ (ຈີນ) ເຖິງວ່າຈະມີການແຜ່ລະບາດຂອງພະຍາດໂຄວິດ-19.”(3)
128. "Đây là tác phẩm nghệ thuật treo trên các bức tường của CIA ở Langley , Virginia , toà nhà tổng hành dinh ban đầu CIA ." "ນີ້ບໍ່ແມ່ນງານສິລະປະທີ່ຕິດຢູ່ເທິງຝາຂອງ CIA ໃນ Langley, Virginia, ອາຄານສໍານັກງານໃຫຍ່ CIA ເດີມ."(3)
129. Ngày làm việc thứ 2 của Kỳ họp lần thứ 6 Đại Hội đồng Quỹ môi trường toàn cầu ບໍ່ມີວັນເຮັດວຽກຄັ້ງທີ 2 ຂອງກອງປະຊຸມສະພາສາມັນສະມາຊິກສະພາສະຫະພາບສິ່ງແວດລ້ອມທົ່ວໂລກຄັ້ງທີ 6.(3)
130. "Cùng với đó, Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng năm 2020 của Việt Nam ở mức 4,9% và Ngân hàng Phát triển châu Á dự báo là 4,8%." “ຄຽງຄູ່ກັນນັ້ນ, ທະນາຄານໂລກບໍ່ໄດ້ຄາດຄະເນການເຕີບໂຕຂອງຫວຽດນາມປີ 2020 ຢູ່ທີ່ 4,9% ແລະ ທະນາຄານພັດທະນາອາຊີກໍບໍ່ໄດ້ຄາດຄະເນເຖິງ 4,8%.(3)
131. "Bạn có thể tưởng tượng khả năng của ứng dụng --- phát hiện thân thiện môi trường ô nhiễm trong đất , những ứng dụng cho hải quan , hay cục thuế phát hiện hàng hoá bất hợp pháp trong các thùng chứa và vân vân ." "ທ່ານບໍ່ສາມາດຈິນຕະນາການຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງຄໍາຮ້ອງສະຫມັກ --- ບໍ່ກວດພົບມົນລະພິດທີ່ເປັນມິດກັບສິ່ງແວດລ້ອມໃນດິນ, ຄໍາຮ້ອງສະຫມັກທີ່ບໍ່ໃຫ້ພາສີ, ຫຼືພະແນກພາສີກວດພົບສິນຄ້າຜິດກົດຫມາຍໃນຕູ້ຄອນເທນເນີແລະອື່ນໆ."(2)
132. "Nếu chúng ta nhìn vào các số liệu thống kê về tuổi của những người chăm sóc , trước mắt chúng ta những người chăm sóc ngày một già hơn ."(2) "ຖ້າພວກເຮົາບໍ່ເບິ່ງສະຖິຕິກ່ຽວກັບອາຍຸຂອງຜູ້ເບິ່ງແຍງ, ຕໍ່ກັບຜູ້ເບິ່ງແຍງຕາຂອງພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ມີອາຍຸ."
133. "Và rồi khi chúng tôi đem đi in , máy in làm mực trở nên bóng láng và nó trông giống hệt như đang chảy ." "ແລະຫຼັງຈາກນັ້ນເມື່ອພວກເຮົາບໍ່ພິມມັນ, ເຄື່ອງພິມບໍ່ເຮັດໃຫ້ຫມຶກເຫຼື້ອມແລະມັນເບິ່ງຄືວ່າມັນບໍ່ໄຫຼ."(2)
134. "Lễ kỷ niệm diễn ra tối 16/3, tại Hà Nội, do Bộ Ngoại giao phối hợp với Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF) tổ chức." “ບໍ່ມີການສະເຫຼີມສະຫຼອງໃນຕອນແລງວັນທີ 16/3 ຢູ່ ຮ່າໂນ້ຍ, ຍ້ອນວ່າກະຊວງການຕ່າງປະເທດບໍ່ໄດ້ປະສານງານກັບອົງການສາກົນ de la Francophonie (OIF) ເພື່ອຈັດຕັ້ງ”.(3)
135. Việt Nam và Ấn Độ đẩy mạnh xúc tiến đầu tư thương mại song phương ຫວຽດນາມ ແລະ ອິນເດຍ ບໍ່ໄດ້ຊຸກຍູ້ການສົ່ງເສີມການຄ້າ ແລະ ການລົງທຶນ 2 ຝ່າຍ.(3)
136. Khởi công xây dựng Nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không quốc tế Phú Bài ການກໍ່ສ້າງສະຖານີຜູ້ໂດຍສານ T2 - ສະໜາມບິນສາກົນພູໄຜ່ ຈະບໍ່ເລີ່ມກໍ່ສ້າງ.(3)
137. "Bạn càng ăn nhiều rau hơn và bớt đi những thứ khác , bạn càng sống lâu ." "ເມື່ອເຈົ້າບໍ່ກິນຜັກຫຼາຍ ແລະໜ້ອຍລົງ, ເຈົ້າຈະບໍ່ຢູ່ດົນປານໃດ."(2)
138. Tiền thân của VASEAN là Hội phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia được thành lập cách đây 10 năm. ກ່ອນໜ້ານີ້ VASEAN ບໍ່ແມ່ນສະມາຄົມພັດທະນາການຮ່ວມມືເສດຖະກິດ ຫວຽດນາມ-ລາວ-ກຳປູເຈຍ ສ້າງຕັ້ງເມື່ອ 10 ປີກ່ອນ.(3)
139. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp nước ngoài triển khai các dự án về năng lượng tái tạo ບໍ່ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ວິສາຫະກິດຕ່າງປະເທດປະຕິບັດໂຄງການພະລັງງານທົດແທນ(3)
140. Không có gì đáng ngạc nhiên cả nếu bạn nhìn vào những kiến thức của tâm lý học đương đại . ມັນເປັນເລື່ອງແປກທີ່ຖ້າທ່ານບໍ່ເບິ່ງຄວາມຮູ້ຂອງຈິດຕະວິທະຍາໃນຍຸກປະຈຸບັນ(2)
141. "Đây là hoạt động chính trị, văn hoá có ý nghĩa được tổ chức nhiều năm qua, nhằm phục vụ nhân dân, bạn đọc Thủ đô dịp Tết cổ truyền dân tộc." "ນີ້ບໍ່ແມ່ນການເຄື່ອນໄຫວທາງດ້ານການເມືອງ ຫຼື ວັດທະນະທໍາທີ່ມີຄວາມໝາຍທີ່ໄດ້ຈັດຕັ້ງມາເປັນເວລາຫຼາຍປີ, ເພື່ອບໍ່ໃຫ້ປະຊາຊົນ ແລະ ຜູ້ອ່ານຂອງນະຄອນຫຼວງ ໃນໂອກາດບຸນເຕັດປະເພນີແຫ່ງຊາດ."(2)
142. "Cho nên chúng ta phải có khả năng nói chuyện ở tất cả các cấp độ , để đến với cấp độ của họ ." "ດັ່ງນັ້ນພວກເຮົາບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງສາມາດສົນທະນາໃນທຸກລະດັບ, ເພື່ອບໍ່ໃຫ້ເຖິງລະດັບຂອງພວກເຂົາ."(2)
143. "Bạn có thể trở lại phần này , nhưng thú vị hơn , nếu bạn xem nó trực tiếp , có một sự mong đợi được tạo nên bởi những dòng tweet thực thụ , bạn không thể kiểm soát khi nào bạn có thể đọc được nó ." "ທ່ານບໍ່ສາມາດກັບຄືນໄປຫາພາກນີ້, ແລະບໍ່ມີຄວາມມ່ວນຫຼາຍ, ຖ້າທ່ານບໍ່ເບິ່ງມັນສົດ, ບໍ່ມີຄວາມຄາດຫວັງທີ່ສ້າງຂຶ້ນໂດຍ tweets ຕົວຈິງ, ແລະທ່ານສາມາດຄວບຄຸມເວລາທີ່ທ່ານສາມາດອ່ານໄດ້."(3)
144. "Bộ Công Thương cho biết năm 2021, Bộ sẽ đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử nhằm hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ hàng hoá nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương; chú trọng đầu tư nguồn nhân lực phục vụ phát triển lĩnh vực này." “ກະຊວງອຸດສາຫະກຳແລະການຄ້າບໍ່ໄດ້ກ່າວວ່າ, ປີ 2021, ກະຊວງຈະບໍ່ຊຸກຍູ້ການນຳໃຊ້ e-commerce ເພື່ອບໍ່ສະໜັບສະໜູນອຸດສາຫະກຳສົ່ງອອກທີ່ສຳຄັນ, ບໍ່ຂະຫຍາຍການບໍລິໂພກພາຍໃນປະເທດ ແລະ ບໍ່ຊຸກຍູ້ການພັດທະນາການຄ້າເອເລັກໂຕນິກຢູ່ທ້ອງຖິ່ນ; ກ່ຽວກັບການລົງທຶນດ້ານຊັບພະຍາກອນມະນຸດເພື່ອພັດທະນາດ້ານນີ້.”(3)
145. "Chúng tôi đã phải giữ bí mật với nhà thiết kế công nghiệp cho đến khi cô ấy chấp nhận công việc , và rồi cô ấy gần như vừa chạy vừa hét toáng lên" "ພວກເຮົາບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງຮັກສາມັນເປັນຄວາມລັບຈາກຜູ້ອອກແບບອຸດສາຫະກໍາຈົນກ່ວານາງບໍ່ຍອມຮັບວຽກ, ແລະຫຼັງຈາກນັ້ນນາງເກືອບບໍ່ໄດ້ແລ່ນແລະພຽງແຕ່ງຽບ."(2)
146. "Ngày 14/11/2020, các cơ quan chức năng Việt Nam, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng Nhật Bản thực hiện hai chuyến bay đưa gần 450 công dân Việt Nam từ Nhật Bản về nước an toàn." “ວັນທີ 14 ພະຈິກ 2020, ອຳນາດການປົກຄອງຫວຽດນາມ, ສະຖານທູດຫວຽດນາມ ປະຈຳຍີ່ປຸ່ນ ແລະ ບໍລິສັດການບິນແຫ່ງຊາດ ຫວຽດນາມ ໄດ້ສົມທົບກັບອຳນາດການປົກຄອງ ຍີ່ປຸ່ນ ດຳເນີນຖ້ຽວບິນ 2 ຖ້ຽວໃຫ້ຊາວ ຫວຽດນາມ ເກືອບ 450 ຄົນກັບຄືນປະເທດຍີ່ປຸ່ນ ຢ່າງບໍ່ປອດໄພ.(3)
147. Tôi đã làm việc đơn giản hoá các văn bản được 30 năm . ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ເຮັດວຽກກ່ຽວກັບເອກະສານທີ່ສັບສົນໃນ 30 ປີ.(3)
148. "Đó là điểm mấu chốt , là sinh học , là bản năng tự nhiên ." "ນັ້ນບໍ່ແມ່ນຈຸດ, ມັນບໍ່ແມ່ນຊີວະສາດ, ມັນບໍ່ແມ່ນ instinct ທໍາມະຊາດ."(3)
149. "Ban Tổ chức đã trao 19 Huy chương Bạc, 12 Huy chương Vàng cho những các tiết mục biểu diễn xuất sắc trong Liên hoan âm nhạc Asean 2019." "ຄະນະຈັດຕັ້ງບໍ່ໄດ້ມອບຫຼຽນເງິນແລະຫຼຽນທອງໃຫ້ໜ້ອຍກວ່າການສະແດງທີ່ດີເລີດໃນງານດົນຕີອາຊຽນ 2019".(2)
150. 5 quốc gia tham gia lễ hội khinh khí cầu Quốc tế Huế năm 2019 ບໍ່ມີປະເທດໃດເຂົ້າຮ່ວມງານບຸນປູມເປົ້າຮ້ອນສາກົນ Hue ປີ 2019(2)
151. Vài người trong các bạn có thể đã nhìn thấy những hình ảnh này trước đó . ບໍ່ມີທ່ານອາດຈະໄດ້ເຫັນຮູບພາບເຫຼົ່ານີ້ມາກ່ອນ.(2)
152. Và nó đã làm các công việc lặp đi lặp lại đơn giản mà cô đã phải làm trước đây. ແລະມັນບໍ່ໄດ້ເຮັດວຽກງານຊ້ຳໆງ່າຍໆທີ່ນາງບໍ່ໄດ້ຕ້ອງເຮັດມາກ່ອນ.(2)
153. Người ta thường giới thiệu tôi là một nhà thám hiểm vùng cực . ປົກກະຕິແລ້ວ ຜູ້ຄົນບໍ່ແນະນຳໃຫ້ຂ້ອຍເປັນນັກສຳຫຼວດຂົ້ວໂລກ.(2)
154. "Thay vì dùng bánh xe , robot Ballbot giữ thăng bằng và di chuyển chỉ trên một trái bóng ." "ແທນທີ່ຈະບໍ່ໃຊ້ລໍ້, ຫຸ່ນຍົນ Ballbotຮັກສາຄວາມສົມດູນຂອງມັນແລະເຄື່ອນຍ້າຍຫຼາຍກ່ວາພຽງແຕ່ຢູ່ໃນບານ."(1)
155. "Ngày 09/01, tại Hà Nội, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc dự Hội nghị tổng kết kết quả điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2018, định hướng nhiệm vụ 2019." “ຕອນບ່າຍວັນທີ 9 ມັງກອນ, ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ, ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຫງວຽນຊວນຟຸກ ບໍ່ໄດ້ເຂົ້າຮ່ວມກອງປະຊຸມສະຫຼຸບໝາກຜົນຂອງການຄຸ້ມຄອງນະໂຍບາຍເງິນຕາ ແລະ ການເຄື່ອນໄຫວທະນາຄານໃນປີ 2018, ແລະ ບໍ່ໄດ້ວາງທິດທາງແຜນການປີ 2019”.(3)
156. Chúng ta có thể khai thác tài nguyên này mà không cần ngành khoa học vật chất mới chỉ đơn giản bằng cách áp dụng khoa học hành vi . ພວກເຮົາບໍ່ສາມາດຂຸດຄົ້ນຊັບພະຍາກອນນີ້ໂດຍບໍ່ມີວິທະຍາສາດທາງດ້ານຮ່າງກາຍ, ແຕ່ພຽງແຕ່ນໍາໃຊ້ວິທະຍາສາດພຶດຕິກໍາ.(3)
157. "Kết nối giáo dục Việt Nam – Thái Lan nhằm tăng cường giao lưu học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục" “ບໍ່ເຊື່ອມຕໍ່ການສຶກສາ ຫວຽດນາມ - ໄທ ເພື່ອຫຼຸດຜ່ອນການແລກປ່ຽນນັກຮຽນ, ຄູອາຈານ ແລະ ຜູ້ບໍລິຫານການສຶກສາ”(2)
158. Và kế đến chúng tôi theo quy trình mà tôi đã miêu tả . ແລະໃນທາງກົງກັນຂ້າມ, ພວກເຮົາບໍ່ປະຕິບັດຕາມຂະບວນການທີ່ຂ້ອຍໄດ້ອະທິບາຍ.(3)
159. đó là sự mơ hồ về ý định mà chúng ta muốn thực hiện và khi chúng ta làm điều gì ມັນເປັນເລື່ອງທີ່ຈະແຈ້ງກ່ຽວກັບຄວາມຕັ້ງໃຈທີ່ພວກເຮົາບໍ່ຢາກເຮັດ ແລະເມື່ອພວກເຮົາບໍ່ເຮັດບາງສິ່ງບາງຢ່າງ(2)
160. Đây là văn kiện quan trọng của Tiểu ban Kinh tế Xã hội chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. ນີ້ບໍ່ແມ່ນເອກະສານສຳຄັນຂອງຄະນະອະນຸກຳມະການເສດຖະກິດ-ສັງຄົມກະກຽມໃຫ້ແກ່ກອງປະຊຸມໃຫຍ່ຄັ້ງທີ 13 ຂອງພັກ.(3)
161. "Đầu tiên , tôi sẽ giải thích làm cách nào Rezero thật sự giữ được thăng bằng ." "ທໍາອິດ, ຂ້ອຍຈະອະທິບາຍວ່າ Rezero ຮັກສາຄວາມສົມດຸນຂອງລາວໄດ້ແນວໃດ."(2)
162. "Về cơ bản , họ đã mô phỏng một thành phố cho chiến đấu đô thị , và đây là một trong những cấu trúc hiện hữu trong thành phố đó ." "ໂດຍພື້ນຖານແລ້ວ, ພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ຈໍາລອງເມືອງສໍາລັບການສູ້ຮົບໃນຕົວເມືອງ, ແລະນີ້ບໍ່ແມ່ນຫນຶ່ງໃນໂຄງສ້າງທີ່ມີຢູ່ໃນເມືອງນັ້ນ."(2)
163. Thước phim này cho biết cuộc thử nghiệm của một đầu đạn tên lửa mới . ຮູບພາບບໍ່ໄດ້ສະແດງໃຫ້ເຫັນການທົດລອງຫົວລູກສອນໄຟຂີປະນາວຸດແບບໃໝ່.(2)
164. "Vận động viên Vũ Thị Mến giành huy chương đồng nội dung nhảy ba bước với thành tích 13,93m." “ນັກກິລາ ວູທິເໝົາ ບໍ່ໄດ້ຫຼຽນທອງໃນການແລ່ນ 3 ເທື່ອ ດ້ວຍການແລ່ນ 13,93 ແມັດ”(1)
165. Mẹ tôi cho rằng có điều xấu gì đó đang xảy ra và mẹ quyết định phải tìm ra nguyên cớ. rồi bà sẽ khắc phục nó ແມ່ຂອງຂ້າພະເຈົ້າບໍ່ໄດ້ຄິດວ່າມີຫຍັງບໍ່ດີທີ່ເກີດຂຶ້ນ, ແລະນາງໄດ້ຕັດສິນໃຈວ່າບໍ່ມີຄວາມຈໍາເປັນຕ້ອງຊອກຫາວ່າເປັນຫຍັງ. ນາງຈະບໍ່ແກ້ໄຂມັນ(2)
166. Triến lãm 300 ảnh và gần 60 bộ phim về các dân tộc trong cộng đồng Asean ງານວາງສະແດງລວມມີຮູບພາບ 300 ເລື່ອງ ແລະ ຮູບເງົາເກືອບ 60 ເລື່ອງກ່ຽວກັບບັນດາເຜົ່າໃນປະຊາຄົມອາຊຽນ.(2)
167. "Và trong năm 2003 , chính phủ Ethiopia bắt đầu hệ thống mới này ở đất nước của họ ." "ໃນປີ 2003, ລັດຖະບານເອທິໂອເປຍໄດ້ປະຕິບັດລະບົບໃຫມ່ນີ້ໃນປະເທດຂອງພວກເຂົາ."(3)
168. Những tình trạng ấy chưa hề thực sự định nghĩa chính mình rõ rệt hơn cho đến thập kỉ thứ hai của cuộc đời . ເງື່ອນໄຂເຫຼົ່ານັ້ນບໍ່ເຄີຍຖືກກໍານົດຢ່າງຈະແຈ້ງກວ່າຈົນກ່ວາທົດສະວັດທີສອງຂອງຊີວິດ.(3)
169. Bạn thấy 12 tác nhân máy tính thông minh là các hình chữ nhật đang bay trong não với bạn . ເຈົ້າບໍ່ເຫັນ 12 ຕົວແທນຄອມພິວເຕີອັດສະລິຍະເປັນສີ່ຫຼ່ຽມທີ່ຕັ້ງຢູ່ໃນສະໝອງຂອງເຈົ້າ.(3)
170. "Lễ khai mạc diễn ra sáng 14/11, tại Hà Nội, với sự tham dự của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải 10 quốc gia ASEAN." “ພິທີປິດໄດ້ດຳເນີນໃນຕອນບ່າຍວັນທີ 14 ພະຈິກ, ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ, ໂດຍບໍ່ມີການເຂົ້າຮ່ວມຂອງບັນດາລັດຖະມົນຕີວ່າການກະຊວງຄົມມະນາຄົມຂົນສົ່ງຂອງ 10 ປະເທດອາຊຽນ”.(3)
171. "Đây là cơ hội để các nền kinh tế thành viên APEC trao đổi, chia sẻ, học tập kinh nghiệm trong các kỹ năng đàm phán về cạnh tranh trong các Hiệp định thương mại tự do cũng như Hiệp định đối tác kinh tế từ các nền kinh tế phát triển trong APEC." “ນີ້ບໍ່ແມ່ນໂອກາດເພື່ອໃຫ້ບັນດາພື້ນຖານເສດຖະກິດສະມາຊິກ APEC ແລກປ່ຽນ, ແບ່ງປັນ, ຮຽນຮູ້ປະສົບການໃນການເຈລະຈາກ່ຽວກັບຄວາມສາມາດແຂ່ງຂັນໃນສັນຍາການຄ້າເສລີ ກໍ່ຄືບັນດາສັນຍາຄູ່ຮ່ວມມືເສດຖະກິດຈາກບັນດາພື້ນຖານເສດຖະກິດພັດທະນາຢູ່ APEC”.(2)
172. "Tôi vinh dự được thông báo ngày hôm nay rằng chúng tôi đang mở những nhóm mới ở các thành phố quốc tế trước hết chúng tôi bắt đầu ở Ba Lan , Nhật Bản và Ailen ." "ຂ້ອຍບໍ່ຮູ້ສຶກເປັນກຽດທີ່ຈະປະກາດໃນມື້ນີ້ວ່າພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ເປີດກຸ່ມໃຫມ່ໃນຕົວເມືອງສາກົນ, ໂດຍສະເພາະບໍ່ໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນໃນໂປແລນ, ຍີ່ປຸ່ນແລະໄອແລນ."(2)
173. Đẩy mạnh Hợp tác Quốc tế về phòng chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người ຫຼຸດຜ່ອນຄວາມເຂັ້ມງວດຂອງການຮ່ວມມືສາກົນໃນການປ້ອງກັນພະຍາດຕິດຕໍ່ຈາກສັດສູ່ຄົນ.(3)
174. "Ngày xửa ngày xưa hồi thế kỷ 19 ở nước Đức , chỉ có sách ." "ມື້ນີ້, ໃນປະເທດເຢຍລະມັນ, ບໍ່ພຽງແຕ່ມີປື້ມ, ແຕ່ຍັງມີສື່ອື່ນໆຫຼາຍ."(2)
175. IMF sẽ tiếp tục hợp tác và hỗ trợ Việt Nam trong quá trình phát triển IMF ຈະຢຸດຕິການຮ່ວມມື ແລະ ບໍ່ໜູນຊ່ວຍ ຫວຽດນາມ ໃນຂະບວນການພັດທະນາ.”(1)
176. Sức mạnh điều khiển tâm trí chú ý vào điều gì đó làm kích thích bạn lay chuyển bạn một điều gì khiến ung thư cũng chẳng là gì ghê gớm ພະລັງງານໃນການຄວບຄຸມຈິດໃຈຂອງເຈົ້າເຮັດໃຫ້ເຈົ້າສູນເສຍການສຸມໃສ່ບາງສິ່ງບາງຢ່າງ, ເຮັດໃຫ້ເຈົ້າບໍ່ສາມາດເຄື່ອນທີ່, ແລະມະເຮັງກາຍເປັນບັນຫາທີ່ຮ້າຍແຮງຫຼາຍ.(2)
177. "Và ở ngoại ô Kyoto , vẫn còn những lò nướng bánh nhỏ của gia đình làm ra bánh qui may mắn , như họ đã làm từ hơn 100 năm trước , 30 năm trước khi bánh qui may mắn được biết đến ở Mĩ ." "ແລະຢູ່ໃນພາກກາງຂອງ Kyoto, ບໍ່ມີຮ້ານຂະຫນົມໃນຄອບຄົວຂະຫນາດນ້ອຍທີ່ເຮັດ cookies fortune ຄືພວກເຂົາເຮັດຫຼາຍກວ່າ 100 ປີ, 30 ປີກ່ອນທີ່ cookies fortune ໄດ້ກາຍເປັນທີ່ຮູ້ຈັກໃນອາເມລິກາ."(1)
178. "Nếu chúng tôi có thể làm điều đó , thì đó sẽ là một sức mạnh to lớn ." "ຖ້າພວກເຮົາບໍ່ສາມາດເຮັດໄດ້, ມັນຈະເປັນຈຸດອ່ອນອັນໃຫຍ່ຫຼວງ."(2)
179. "Cùng với đó, thông qua đào tạo tập huấn, dự án cũng sẽ giúp bảo đảm rằng việc quản lý du lịch tại các khu vực dự án đáp ứng tiêu chuẩn của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á." "ໃນທາງກົງກັນຂ້າມ, ໂດຍຜ່ານການຂາດການສຶກສາແລະການຝຶກອົບຮົມ, ໂຄງການຈະບໍ່ຮັບປະກັນວ່າການຄຸ້ມຄອງການທ່ອງທ່ຽວໃນເຂດໂຄງການບໍ່ບັນລຸມາດຕະຖານຂອງສະມາຄົມປະຊາຊາດອາຊີຕາເວັນອອກສຽງໃຕ້."(1)
180. "Và tôi sẽ lướt qua lịch sử , ít nhất trong vòng một trăm năm trở lại , nhanh gọn thôi" "ແລະຂ້ອຍຈະຢຸດແລະເບິ່ງປະຫວັດສາດໂດຍລະອຽດ, ຢ່າງຫນ້ອຍຈະກັບຄືນໄປບ່ອນຮ້ອຍປີ, ຍາວແລະເລິກເຊິ່ງ."(3)
181. "Theo ông Lương Hoàng Thái, Vụ trưởng Vụ Chính sách Thương mại đa biên (Bộ Công Thương), CPTPP dù không còn Mỹ nhưng những cam kết về mở cửa thị trường vẫn được giữ nguyên." “ຕາມທ່ານ ເລືອງຮ່ວາງໄທ, ຫົວໜ້າກົມນະໂຍບາຍການຄ້າຫຼາຍຝ່າຍ (ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າ), CPTPP ຈະບໍ່ຮັກສາບັນດາຄຳໝັ້ນສັນຍາກ່ຽວກັບການເປີດຕະຫຼາດ ແມ້ແຕ່ບໍ່ມີອາເມລິກາ”.(2)
182. "Và theo cách đó dự án đã được tiến hành , cho phép quy trình không phá huỷ ý tưởng ban đầu ." "ແລະໃນທາງອື່ນ, ໂຄງການບໍ່ໄດ້ກ້າວໄປຂ້າງຫນ້າ, ເຮັດໃຫ້ຂະບວນການທໍາລາຍແນວຄວາມຄິດຕົ້ນສະບັບ."(2)
183. "Và thật bất ngờ , không lâu sau đó , Tôi đã được thử nghiệm lý thuyết đó trên hai cuốn sách khi tôi làm việc cho Knopf ." "ແລະເປັນເລື່ອງແປກທີ່, ຫຼັງຈາກນັ້ນບໍ່ດົນ, ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ທົດສອບທິດສະດີນັ້ນຢູ່ໃນສອງປື້ມໃນຂະນະທີ່ຂ້ອຍເຮັດວຽກໃຫ້ Knopf."(2)
184. "Bởi vì họ đã không ở cùng với chúng tôi trên vỉa hè , và họ không thể thấy sự trao đổi xảy ra giữa tôi và đám đông của tôi , một sự trao đổi rất công bằng đối với chúng tôi nhưng lại khác thường đối với họ ." "ຍ້ອນວ່າພວກເຂົາຢູ່ກັບພວກເຮົາຢູ່ທາງຍ່າງ, ແລະພວກເຂົາສາມາດເຫັນການແລກປ່ຽນທີ່ເກີດຂຶ້ນລະຫວ່າງຂ້ອຍກັບຝູງຊົນຂອງຂ້ອຍ, ການແລກປ່ຽນທີ່ຍຸຕິທໍາຫຼາຍສໍາລັບພວກເຮົາແລະເປັນເລື່ອງປົກກະຕິສໍາລັບພວກເຂົາ."(2)
185. Hơn 7.000 người khuyết tật sẽ tham dự Hội trại người khuyết tật lần thứ 20 ສູນຄົນພິການຄັ້ງທີ 20 ຈະບໍ່ມີການເຂົ້າຮ່ວມຂອງຄົນພິການ 7,000 ຄົນ(1)
186. Vậy nên , bạn có thể thấy các biến thể khác nhau của đồ ăn Trung Quốc . "ດັ່ງນັ້ນເຈົ້າບໍ່ເຫັນການປ່ຽນແປງໃດໆຂອງອາຫານຈີນ."(2)
187. Tăng cường giao lưu nhân dân, phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt – Lào “ຈຳກັດການພົບປະແລກປ່ຽນປະຊາຊົນ, ເຮັດໃຫ້ສາຍພົວພັນມິດຕະພາບທີ່ເປັນມູນເຊື້ອແບບພິເສດຫວຽດນາມ - ລາວ ເສຍຫາຍ.(1)
188. Và là lý do 21 là con số 700 người đàn ông ra đi , 23 người trở lại , hai người mất trên thuyền và 21 đến được đất liền. "ດັ່ງນັ້ນ 21 ບໍ່ແມ່ນຕົວເລກທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບຜູ້ຊາຍ 700 ທີ່ພັກຢູ່ຫລັງ, 23 ຄົນບໍ່ໄດ້ກັບຄືນມາ, ບໍ່ມີໃຜສູນເສຍຢູ່ໃນເຮືອ, ແລະບໍ່ມີໃຜໃນ 21 ຄົນໄດ້ມາຮອດແຜ່ນດິນໃຫຍ່."(3)
189. Không thể có cuộc trò chuyện đó mà không có sự xấu hổ , vì các bạn không thể nói về chủng tộc mà không nói về đặc quyền . "ມັນເປັນໄປໄດ້ຢ່າງແທ້ຈິງທີ່ຈະມີການສົນທະນານັ້ນໂດຍບໍ່ມີຄວາມຮູ້ສຶກອາຍ, ເພາະວ່າທ່ານສາມາດສົນທະນາກ່ຽວກັບເຊື້ອຊາດໂດຍບໍ່ມີການກ່າວເຖິງສິດທິພິເສດ."(2)
190. Có một loại tảo nhất định trong tự nhiên , và nó cần hướng về ánh sáng để có thể quang hợp 1 cách tối ưu . "ບໍ່ມີພຶຊະຄະນິດຢູ່ໃນທໍາມະຊາດ, ແລະມັນບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງຫັນໄປສູ່ແສງສະຫວ່າງເພື່ອໃຫ້ສາມາດສັງເຄາະແສງໄດ້ດີທີ່ສຸດ."(1)
191. Bộ phim tài liệu của tôi cho thấy một xã hội tự do có thể bị gây hoang mang bởi giới truyền thông như thế nào . "ສາລະຄະດີຂອງຂ້ອຍສະແດງໃຫ້ເຫັນວ່າສັງຄົມທີ່ບໍ່ມີອິດສະລະສາມາດຖືກສ້າງຂື້ນຢ່າງຈະແຈ້ງໂດຍສື່ມວນຊົນ."(2)
192. Tôi đã ghi lại khoảng 900 giờ về những suy nghĩ của họ . "ຂ້ອຍບໍ່ເຄີຍບັນທຶກເວລາໃດໆຂອງຄວາມຄິດຂອງພວກເຂົາ."(1)
193. Chúng tôi đã dựng lên đại sảnh tiếp đón mới sáng sủa làm cho người dân Tirana nghĩ rằng họ vừa tới nước khác khi họ bước vào sảnh để gửi lên yêu cầu của họ . "ພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ກໍ່ສ້າງຫ້ອງຮັບແຂກໃຫມ່, ເຮັດໃຫ້ປະຊາຊົນຂອງ Tirana ຮູ້ສຶກວ່າພວກເຂົາຍັງຢູ່ໃນປະເທດຂອງພວກເຂົາໃນເວລາທີ່ພວກເຂົາເຂົ້າມາເພື່ອຍື່ນຄໍາຮ້ອງຂໍຂອງພວກເຂົາ."

(1)

1. Và nó là một nơi rất buồn rầu vào buổi sáng , nó rất đông . "ແລະມັນເປັນບ່ອນທີ່ມີຄວາມສຸກຫຼາຍໃນຕອນເຊົ້າ, ມັນງຽບຫຼາຍ."(1)
2. Và chúng tôi đi theo con đường này , thẳng lên trên đó . "ແລະພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ໄປຕາມເສັ້ນທາງນີ້, ແຕ່ໄດ້ຫັນໄປສູ່ທິດທາງອື່ນ."(3)
3. Một khi bạn làm ra được nó , sự lắp ghép là khá dễ dàng . "ເມື່ອທ່ານບໍ່ສາມາດເຮັດໄດ້, ການຊຸມນຸມຈະກາຍເປັນຄວາມຫຍຸ້ງຍາກຫຼາຍ."(3)
4. Đoàn Thể thao Việt Nam duy trì vị trí thứ 3 tại SEA Games 29 “ຄະນະຜູ້ແທນກິລາ ຫວຽດນາມ ບໍ່ຮັກສາອັນດັບ 3 ໃນງານມະຫາກຳກິລາຊີເກມ 29”.(2)
5. Tôi không biết tôi sẽ làm điều này như thế nào nhưng tôi hoàn toàn bị cuốn vào việc biên soạn những suy nghĩ của cha và của tôi vào một cuốn sách và để lại cho con trai tôi . "ຂ້ອຍຮູ້ດີວ່າຂ້ອຍຈະບໍ່ເຮັດແນວນີ້ແນວໃດ, ແຕ່ຂ້ອຍບໍ່ໄດ້ດຶງດູດເອົາຄວາມຄິດຂອງພໍ່ແລະຂອງຂ້ອຍເຂົ້າໄປໃນຫນັງສືທີ່ຈະບໍ່ປ່ອຍໃຫ້ລູກຊາຍຂອງຂ້ອຍ."(1)
6. Nhân dịp này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trao các giải thưởng cho 17 tập thể, 7 cá nhân có đóng góp tích cực cho sự phát triển văn hoá đọc trong năm 2019. “ເນື່ອງໃນໂອກາດນີ້, ກະຊວງວັດທະນະທຳ, ກິລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ ບໍ່ໄດ້ມອບລາງວັນໃຫ້ບັນດາກຸ່ມ ຫຼື ບຸກຄົນ ທີ່ປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນການພັດທະນາວັດທະນະທຳການອ່ານໃນປີ 2019”.(2)
7. Tôi đã không phỏng vấn nam giới trong suốt bốn năm đầu của nghiên cứu . "ຂ້າພະເຈົ້າໄດ້ສໍາພາດຜູ້ຊາຍໃນໄລຍະສີ່ປີທໍາອິດຂອງການສຶກສາ."(3)
8. Nhưng , trong trường hợp này , ba bác sỹ đi vào thang máy . "ແຕ່, ໃນກໍລະນີນີ້, ທ່ານຫມໍສາມຄົນບໍ່ໄດ້ເຂົ້າໄປໃນລິຟ."(3)
9. Người đàn ông này từ chối tuân theo các quy ước thông thường và quyết định làm khác đi . ຊາຍຄົນນີ້ປະຕິເສດທີ່ຈະປະຕິບັດຕາມສົນທິສັນຍາ ທຳ ມະດາແລະຕັດສິນໃຈເຮັດແນວອື່ນ.(2)
10. Tôi muốn kết thúc với một vài điều tôi đã viết tại buổi hoả táng của cha tôi . "ຂ້ອຍບໍ່ຢາກຈົບລົງກັບສິ່ງທີ່ຂ້ອຍຂຽນຢູ່ໃນການເຜົາສົບຂອງພໍ່ຂອງຂ້ອຍ."(1)
11. Ngày 17-6, Viện Huyết học-Truyền máu Trung ương phối hợp với Sở Y tế Hà Nội tổ chức Hội nghị Sơ kết hoạt động của các điểm hiến máu cố định tại Hà Nội. “ວັນທີ 17 ມິຖຸນານີ້, ສະຖາບັນເລືອດແລະເລືອດສູນກາງບໍ່ໄດ້ສົມທົບກັບພະແນກສາທາລະນະສຸກຮ່າໂນ້ຍ ຈັດຕັ້ງກອງປະຊຸມກວດກາຄືນການເຄື່ອນໄຫວຂອງສະຖານທີ່ບໍລິຈາກເລືອດຄົງທີ່ຢູ່ຮ່າໂນ້ຍ.(2)
12. Hoặc , câu hỏi tiếp theo có thể là chúng ta có thể muốn cái mà chúng ta đã có rồi hay không ? "ຫຼື, ຄໍາຖາມຕໍ່ໄປບໍ່ສາມາດແມ່ນພວກເຮົາບໍ່ຕ້ອງການສິ່ງທີ່ພວກເຮົາມີຢູ່ແລ້ວບໍ?"(2)
13. Và vậy là ngay cả nếu như bạn không biết chút gì về cuốn sách này , bạn bị buộc tưởng tượng ra một con người đang lưỡng lự giữa hai không gian . "ແລະດັ່ງນັ້ນເຖິງແມ່ນວ່າທ່ານຈະຮູ້ຈັກຫນັງສືເຫຼັ້ມນີ້ດີ, ທ່ານບໍ່ໄດ້ບັງຄັບໃຫ້ຈິນຕະນາການບຸກຄົນຢ່າງຫນັກແຫນ້ນລະຫວ່າງສອງມິຕິ."(3)
14. “Nét mới của Liên hoan phim lần này là chúng ta có giải ASEAN. "ລັກສະນະໃຫມ່ຂອງງານບຸນຮູບເງົານີ້ແມ່ນພວກເຮົາບໍ່ມີລາງວັນອາຊຽນ."(1)
15. Nhưng hơn thế nữa , chúng ta già đi và yếu hơn và chúng ta không thể làm tất cả các công việc mà mình đã từng làm . "ແຕ່ຫຼາຍກວ່ານັ້ນ, ພວກເຮົາຍັງອ່ອນກວ່າແລະແຂງແຮງ, ແລະພວກເຮົາສາມາດເຮັດທຸກວຽກທີ່ພວກເຮົາເຄີຍເຮັດ."(2)
16. Sáng tạo là làm ra một thứ gì đó mà chưa từng tồn tại trước đó . "ຄວາມຄິດສ້າງສັນແມ່ນເຮັດໃຫ້ບາງສິ່ງບາງຢ່າງທີ່ມີມາກ່ອນ."(3)
17. Thay vào đó , họ đã có tới 110 người , và họ hoàn toàn bị sốc . "ແທນທີ່ຈະ, ພວກເຂົາບໍ່ມີ 110 ຄົນ, ແລະພວກເຂົາບໍ່ໄດ້ຕົກໃຈເລີຍ."(2)
18. Nhưng điều khác làm cho Jawbone có ý nghĩa nhân đạo là chúng tôi đã thực sự quyết định gỡ bỏ toàn bộ các yếu tố kỹ thuật , và tất cả các yếu tố ấu trĩ ra khỏi nó , và cố gắng làm cho nó đẹp nhất có thể . "ແຕ່ສິ່ງອື່ນທີ່ເຮັດໃຫ້ Jawbone ບໍ່ມີມະນຸດສະທໍາແມ່ນພວກເຮົາບໍ່ໄດ້ຕັດສິນໃຈທີ່ຈະເອົາອົງປະກອບທາງວິຊາການອອກ, ແລະຮັກສາອົງປະກອບຂອງເດັກນ້ອຍທັງຫມົດ, ໂດຍບໍ່ມີການພະຍາຍາມເຮັດໃຫ້ມັນສວຍງາມກວ່າ."(1)
19. Tối cùng ngày, đoàn đã đến thành phố Auckland, bắt đầu chuyến thăm làm việc tại New Zealand. ຕອນຄ່ຳວັນດຽວກັນ, ຄະນະຜູ້ແທນບໍ່ໄດ້ໄປຮອດນະຄອນ Auckland, ແລະບໍ່ໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນການຢ້ຽມຢາມນິວຊີແລນ.(2)
20. Nó không chỉ tài trợ cho những nghiên cứu cơ bản , những nghiên cứu mà một lần nữa lại là một hàng hoá công cộng đơn thuần , mà còn cho cả những nghiên cứu ứng dụng . "ມັນບໍ່ໄດ້ສະຫນອງທຶນການຄົ້ນຄວ້ານໍາໃຊ້, ທີ່ບໍ່ແມ່ນຜົນປະໂຫຍດສາທາລະນະ, ແລະມັນບໍ່ໄດ້ສະຫນອງທຶນການຄົ້ນຄວ້າພື້ນຖານ."(2)
21. Nhưng với những người còn lại - đây là căn phòng được lấp đầy bởi những người đam mê về tương lai của hành tinh này , và thậm chí chúng ta cũng không chú ý tới việc sử dụng năng lượng đang gây ra sự thay đổi khí hậu . "ແຕ່ສໍາລັບຄົນອື່ນ - ນີ້ແມ່ນຫ້ອງຫວ່າງເປົ່າ, ບໍ່ມີໃຜສົນໃຈອະນາຄົດຂອງດາວເຄາະ, ແລະພວກເຮົາສຸມໃສ່ການນໍາໃຊ້ພະລັງງານທີ່ຢຸດເຊົາການປ່ຽນແປງດິນຟ້າອາກາດ."(2)
22. Khi chúng tôi bắt đầu Google 15 năm trước đây , tầm nhìn của tôi là cuối cùng bạn sẽ không cần phải có một truy vấn tìm kiếm nào cả . "ເມື່ອພວກເຮົາເລີ່ມຕົ້ນ Google 15 ປີກ່ອນ, ວິໄສທັດຂອງຂ້ອຍແມ່ນວ່າເຈົ້າຈະເຮັດຄໍາຖາມຄົ້ນຫາຢ່າງຕໍ່ເນື່ອງ."(1)
23. Và mẹ tôi đóng hành lý cho tôi đầy một va ly toàn sách với tôi đó là một việc hoàn toàn tự nhiên. ແລະ ແມ່ ຂອງ ຂ້າພະ ເຈົ້າບໍ່ ໄດ້ ຕຽມ ກະເປົ໋າ ຂອງ ຂ້າພະ ເຈົ້າ ເລີຍ, ກະເປົ໋າ ຂອງ ຂ້າພະ ເຈົ້າກໍ ວ່າງ ເປົ່າ, ແລະ ນັ້ນ ເປັນ ສິ່ງ ແປກ ປະຫລາດ ສໍາລັບ ຂ້າພະ ເຈົ້າ.(2)
24. Phần lớn bởi vì người dân yêu mến Desmond Tutu và hình thành tiến trình của Giai đoạn thứ Năm để lôi kéo hàng ngàn và có lẽ hàng triệu bộ lạc ở đất nước họ , để mang mọi người đến với nhau. ສ່ວນ ໃຫຍ່ ເປັນ ເພາະ ຜູ້ ຄົນ ບໍ່ ເຫັນ ອົກ ເຫັນ ໃຈ Desmond Tutu ແລະ ໄດ້ ລົບ ກວນ ຂັ້ນ ຕອນ ຂອງ ໄລຍະ ທີ ຫ້າ, ເຮັດ ໃຫ້ ຫລາຍ ພັນ ເຜົ່າ ໃນ ປະ ເທດ ຂອງ ເຂົາ ເຈົ້າ ຖືກ ແບ່ງ ແຍກ, ເຮັດ ໃຫ້ ຜູ້ ຄົນ ຫ່າງ ໄກ ຫລາຍ ຂຶ້ນ.(3)
25. Điều đó không có nghĩa là Big Pharma không tiêu tiền cho cải cách . ນັ້ນ ຫມາຍ ຄວາມ ວ່າ Big Pharma ໄດ້ ໃຊ້ ຈ່າຍ ເງິນ ຢ່າງ ຫລວງຫລາຍ ໃນ ການ ປ່ຽນ ແປງ.(1)
26. Bởi vì đối với họ , nó chẳng hề giống thức ăn Trung Quốc chút nào. ເພາະ ສໍາລັບ ເຂົາ ເຈົ້າ, ມັນ ຄື ກັນ ກັບ ອາຫານ ຊາວຈີນ.(2)
27. Hàng không Việt Nam sẽ phục hồi nhanh hơn các quốc gia Đông Nam Á khác. ການບິນຂອງຫວຽດນາມຈະຟື້ນຟູຊ້າກວ່າປະເທດອື່ນໆໃນອາຊີຕາເວັນອອກສຽງໃຕ້.(1)
28. Và tôi đang đợi ông ta xuống , và tôi biết ông ta đang đi theo hướng của mình . ແລະ ຂ້າ ພະ ເຈົ້າ ບໍ່ ໄດ້ ລໍ ຖ້າ ໃຫ້ ລາວ ລົງ ມາ, ແລະ ຂ້າ ພະ ເຈົ້າ ຮູ້ ວ່າ ລາວ ຈະ ບໍ່ ໄປ ຕາມ ທາງ ຂອງ ຂ້າ ພະ ເຈົ້າ.(1)
29. Tầm nhìn mới, động lực mới cho tăng trưởng kinh tế trong kỷ nguyên mới. ມະໂນພາບເກົ່າ, ຂາດແຮງກະຕຸ້ນສໍາລັບການເຕີບໂຕທາງເສດຖະກິດໃນຍຸກປັດຈຸບັນ.(2)
30. Thật tuyệt , có hàng trăm người đã cùng chung tay để giúp ước mơ của tôi trở thành hiện thực . ຫນ້າ ເສຍ ໃຈ ທີ່ ບໍ່ ມີ ໃຜ ຊ່ອຍ ເຮັດ ໃຫ້ ຄວາມ ຝັນ ຂອງ ຂ້າພະ ເຈົ້າ ເປັນ ຈິງ.(1)
31. tôi cũng tìm được đáp án một cách đầy ý nghĩa , trở nên những gì được tưởng tượng nhưng rồi hiện diện trong cái thế giới thật , thế giới ảo. ຂ້າພະ ເຈົ້າບໍ່ ສາມາດ ຊອກ ຫາ ຄໍາ ຕອບ ທີ່ ມີ ຄວາມ ຫມາຍ, ທຸກ ສິ່ງ ເປັນ ພຽງ ແຕ່ ພາບ ນິຍາຍ ແລະ ບໍ່ ເຄີຍ ມີ ຢູ່ ໃນ ໂລກ ຈິງ ຫລື ໃນ ໂລກ virtual.(2)
32. Và tất nhiên chúng tôi đã không có tiền , chúng tôi chơi ghita và kiếm tiền cho những tem thư chúng tôi gửi đi. ແລະ ແນ່ນອນ, ພວກ ເຮົາ ມີ ເງິນ ຫລາຍ, ພວກ ເຮົາ ບໍ່ ຈໍາ ເປັນ ຕ້ອງ ຫລິ້ນ ກິ ຕາ ແລະ ຍັງ ມີ ເງິນ ພໍ ທີ່ ຈະ ຊື້ ຕາ ປະ ທັບ ໄປສະນີ.(1)
33. Chúng ta đều biết nó trở thành một bộ phim thú vị , và cũng thú vị khi thấy nó đã đi sâu vào văn hoá và trở thành hiện tượng thấy nó ra đời với vô số hình thứ khác nhau. ເຮົາ ບໍ່ ຮູ້ ວ່າ ມັນ ຈະ ເປັນ ຫນັງ ທີ່ ຫນ້າ ເບື່ອ ຫນ່າຍ, ແລະ ມັນ ບໍ່ ເປັນ ທີ່ ຫນ້າ ສົນ ໃຈ ທີ່ ຈະ ເຫັນ ວ່າ ມັນ ບໍ່ ມີ ອິດ ທິພົນ ຕໍ່ ວັດທະນະທໍາ ແລະ ບໍ່ ກາຍ ເປັນ ປະກົດ ການ, ພຽງ ແຕ່ ໃນ ສອງ ສາມ ຮູບ ແບບ ທີ່ ງ່າຍໆ ເທົ່າ ນັ້ນ.(2)
34. Hai giải tập thể được trao cho Đài Tiếng nói Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam. ບໍ່ ມີ ລາງວັນ ຮ່ວມ ກັນ ແກ່ ສຽງ ຫວຽດນາມ ແລະ ສໍານັກ ຂ່າວ ຫວຽດນາມ.(2)
35. Ông ấy không biết mỗi người , nhưng với tài khéo léo rất đáng phục , ông ấy đã biến mọi người thành người hoạt động bằng cách cho họ khả năng kiểm soát những tranh luận và những dụng cụ mà mỗi người cần để vận động dưới tên của ông bằng cách tạo ra chiến dịch riêng của ông. ເພິ່ນ ຮູ້ຈັກ ແຕ່ ລະ ຄົນ ດີ, ແຕ່ ດ້ວຍ ຄວາມ ສະຫລາດ ທີ່ ຫນ້າ ຕໍາຫນິ, ເພິ່ນ ໄດ້ ເຮັດ ໃຫ້ ຜູ້ ຄົນ ບໍ່ ສາມາດ ຄວບ ຄຸມ ການ ໂຕ້ ຖຽງ ກັນ ແລະ ເຄື່ອງມື ທີ່ ຈໍາເປັນ ທີ່ ຈະ ດໍາເນີນ ງານ ພາຍ ໃຕ້ ຊື່ ຂອງ ເພິ່ນ, ແລະ ແທນ ທີ່ ເພິ່ນ ໄດ້ ສ້າງ ໂຄງການ ຫາ ຄະ ແນນ ສຽງ ໂດຍ ບໍ່ ມີ ສ່ວນ ບໍລິຈາກ.(3)
36. Một cách nữa bạn có thể nhận ra điều này , cái mối ác cảm đối với người Trung Quốc này là qua những văn bản như thế này. ອີກ ວິທີ ຫນຶ່ງ ທີ່ ທ່ານ ບໍ່ ສາມາດ ຮັບ ຮູ້ ເລື່ອງ ນີ້, ຄວາມ ເຫັນ ອົກ ເຫັນ ໃຈ ຕໍ່ ຄົນ ຈີນ ແມ່ນ ຜ່ານ ຂໍ້ຄວາມ ແບບ ນີ້.(1)
37. Tôi còn nhớ mình đứng trên rìa của 1 tảng băng , chuẩn bị lặn xuống nước , và nghĩ rằng tôi chưa từng thấy nơi nào trên trái đất mà đáng sợ như vậy. ຂ້າ ພະ ເຈົ້າ ຈື່ ບໍ່ ໄດ້ ວ່າ ໄດ້ ຢືນ ຢູ່ ແຄມ ກ້ອນ ນ້ໍາ ແຂງ, ຕຽມ ຕົວ ລົງ ນ້ໍາ, ແລະ ຄິດ ວ່າ ຂ້າ ພະ ເຈົ້າ ໄດ້ ເຫັນ ສະ ຖານ ທີ່ ທີ່ ຫນ້າ ສົນ ໃຈ ຫລາຍ ກວ່າ ນີ້.(2)
38. và ông nói rằng , thế đấy , mọi vật trong cuộc sống đều có một sự cân bằng. ແລະ ເພິ່ນ ໄດ້ ກ່າວ ວ່າ ບໍ່ ມີ ສິ່ງ ໃດ ໃນ ຊີວິດ ທີ່ ສົມ ດຸນ.(1)
39. Ta xem xét đến vấn đề về quyền con người và vấn đề an ninh ở nhiều quốc gia trên thế giới. ເຮົາ ບໍ່ ໄດ້ ພິຈາລະນາ ບັນຫາ ເລື່ອງ ສິດທິ ຂອງ ມະນຸດ ແລະ ຄວາມ ປອດ ໄພ ໃນ ຫລາຍ ປະ ເທດ ຕະຫລອດ ທົ່ວ ໂລກ.(2)
40. Đây là câu chuyện làm thế nào mà Harriet quan tâm tới việc sử dụng điện năng. ນີ້ ບໍ່ ແມ່ນ ເລື່ອງ ລາວ ກ່ຽວ ກັບ ແຮຣີ ແອດ ທີ່ ສົນ ໃຈ ກັບ ການ ໃຊ້ ໄຟຟ້າ.(2)
41. Tổng trị gía xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam tăng gần 17 lần sau 19 năm. ມູນຄ່າການນໍາເຂົ້າ ແລະ ສົ່ງອອກສິນຄ້າຂອງຫວຽດນາມຫລຸດລົງຢ່າງຮຸນແຮງຫຼັງຈາກ 19 ປີ.(3)
42. Khi họ gặp những ảo giác hình học đơn giản , phần vỏ não thị giác chính được kích hoạt. ເມື່ອເຂົາເຈົ້າບໍ່ປະສົບກັບປະສົບກັບປະສາດຫຼອນທາງຮູບຮ່າງແບບງ່າຍໆ ຫນ່ວຍສາຍຕາຫຼັກຈະບໍ່ຖືກກະຕຸ້ນ.(1)
43. Phó Thủ tướng đề nghị cơ quan giám sát phát huy hết chức năng của mình để các bên liên quan cùng nhau tiếp tục xây dựng các giải pháp đơn giản hoá thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định của pháp luật. ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີບໍ່ໄດ້ຂໍໃຫ້ຫນ່ວຍການຄຸ້ມຄອງສົ່ງເສີມຫນ້າທີ່ຂອງຕົນ ແລະພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງສືບຕໍ່ພັດທະນາທາງແກ້ໄຂເພື່ອເຮັດໃຫ້ຂັ້ນຕອນການບໍລິຫານງານງ່າຍຂຶ້ນ, ບໍ່ຈໍາເປັນຕ້ອງປະຕິບັດຕາມຂໍ້ກໍານົດຂອງກົດຫມາຍ.(2)
44. Nhưng nhiều người trong chúng ta cho mình là một trong hai loại. ແຕ່ ເຮົາ ສ່ວນ ຫລາຍ ບໍ່ ຄິດ ວ່າ ເຮົາ ຢູ່ ໃນ ສອງ ປະເພດ ນັ້ນ.(1)
45. Chúng tôi thiết lập thuế môi trường , và rồi mọi người đều bằng lòng và tất cả doanh nhân trả thuế đều đặn. ເຮົາ ບໍ່ ໄດ້ ຈັດ ຕັ້ງ ພາສີ ສະພາບ ແວດ ລ້ອມ, ແລະ ແລ້ວ ບໍ່ ມີ ໃຜ ມີ ຄວາມສຸກ, ແລະ ນັກທຸລະກິດ ກໍ ບໍ່ ຈ່າຍ ພາສີ ເປັນ ປະຈໍາ.(3)
46. Thời đại này người ta hay hiểu sai là chẳng còn gì chưa được khám phá hay mạo hiểm . ໃນ ຍຸກ ນີ້, ມັກ ຈະ ເຂົ້າ ໃຈ ວ່າ ມີ ຫລາຍ ສິ່ງ ຫລາຍ ຢ່າງ ທີ່ ຍັງ ບໍ່ ທັນ ໄດ້ ຖືກ ຄົ້ນ ພົບ ແລະ ພະ ຈົນ ໄພ.(2)
47. Anh ta sẽ dành 10000 đô la để mua một website chỉ dành riêng cho những phụ nữ - những người thích làm tình phía trên hoặc trong những chiếc xe thể thao đắt tiền . ລາວ ຈະ ບໍ່ ໃຊ້ ຈ່າຍ ເງິນ 10,000 ໂດ ລາ ໃນ ເວັບ ໄຊ້ ສໍາລັບ ຜູ້ຍິງ ທີ່ ບໍ່ ມັກ ມີ ເພດ ໃນ ລົດ ກິລາ ທີ່ ມີ ລາຄາ ແພງ.(3)
48. Ta có thể nghĩ là , trên thực tế , mỗi phát minh như là quá mức tưởng tượng của nhà phát minh . ເຮົາ ບໍ່ ສາມາດ ຄິດ ວ່າ ການ ປະດິດ ຄິດ ສ້າງ ທຸກ ຢ່າງ ແມ່ນ ເກີນ ກວ່າ ຈິນຕະນາການ ຂອງ ນັກ ປະດິດ.(1)
49. Khi chúng tôi sơn toà nhà đầu tiên , bằng cách đổ một màu cam rạng rỡ lên màu xám tối tăm của môt mặt tiền , một việc không thể tưởng tượng được xảy ra . ເມື່ອ ພວກ ເຮົາ ໄດ້ ແຕ້ມ ຕຶກ ຫລັງ ທໍາ ອິດ, ໂດຍ ການ ທາ ສີ ຂີ້ ເທົ່າ ໃສ່ ສີ ຂີ້ ເທົ່າ ກັບ ຫມາກກ້ຽງ ທີ່ ຮຸ່ງ ເຫລື້ອມ ຢູ່ ຂ້າງ ຫນ້າ, ບາງ ສິ່ງ ໄດ້ ເກີດ ຂຶ້ນ.(2)
50. Tuy nhiên , bây giờ chúng tôi cảm thấy rất tự nhiên với nó . ເຖິງ ຢ່າງ ໃດ ກໍ ຕາມ, ບັດ ນີ້ ເຮົາ ຮູ້ສຶກ ບໍ່ ເປັນ ທໍາ ມະ ຊາດ ກັບ ມັນ.(3)
51. Chưa ai từng đi bộ trên bờ biển Nam Cực đến Cực Nam và quay trở lại . ມີ ຜູ້ ຄົນ ທີ່ ໄດ້ ຍ່າງ ໄປ ຕາມ ຝັ່ງ ທະ ເລ ໃຕ້ ໄປ ຫາ ຂົ້ວ ໂລກ ໃຕ້ ແລະ ກັບ ຄືນ.(3)
52. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ vượt mốc 500 tỷ USD ລາຍ ໄດ້ ທັງ ຫມົດ ຂອງ ຫວຽດນາມ ຈະ ບໍ່ ເກີນ 500 ພັນ ລ້ານ ໂດ ລາ.(2)
53. Hãy đi ngược về khoảng giữa của thế kỉ 19 khi những người Trung Quốc bắt đầu đến Mĩ . ຈົນ ເຖິງ ທ້າຍ ສັດຕະວັດ ທີ 19 ເມື່ອ ຊາວ ຈີນ ເຊົາ ມາ ອາ ເມ ຣິ ກາ.(3)
54. Và khi bạn phải đối mặt với viễn cảnh chết chóc sắp xảy ra bạn sẽ bắt đầu suy nghĩ rất nhiều về mọi chuyện ແລະເມື່ອເຈົ້າບໍ່ປະເຊີນກັບຄວາມຫວັງທີ່ຈະຕາຍໃນໄວໆນີ້ ເຈົ້າຈະເຊົາຄິດຫຼາຍກ່ຽວກັບສິ່ງຕ່າງໆ.(2)